

Số: 42 / HĐHV-QN

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thi điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 (Nghị quyết số 77/NQ-CP);

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Nghị định 99/2019/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thi điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015 - 2017 (Quyết định 873/QĐ-TTg) và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Chiến lược phát triển Học viện Nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050 được ban hành kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-HVN ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng Học viện;



Căn cứ Nghị quyết số 41/HĐHV-QN ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Học viện tại Văn bản số 1642/HVN-TCCB ngày 12 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT NGHỊ:

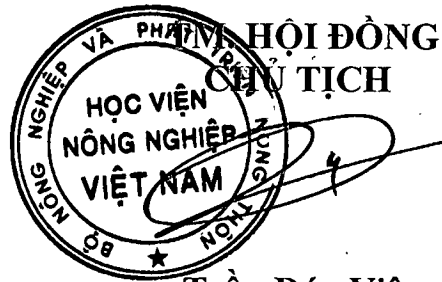
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3563/QĐ-HVN ngày 12 tháng 11 năm 2015 và Khoản 1, Điều 1 tại Quyết định số 5300/QĐ-HVN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

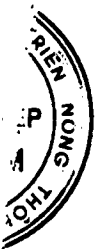
Điều 3. Thành viên Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện, Chánh Văn phòng, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT, Bộ GD và ĐT (để b/c);
- ĐUK các trường ĐH, CĐ Hà Nội (để b/c);
- Đảng ủy, Hội đồng Học viện;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện;
- Lưu: VT, TCCB.



Trần Đức Viên



QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42 /HĐHV-QN ngày 12 tháng 10 năm 2020
của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây viết chung là Học viện), bao gồm: nhiệm vụ và quyền hạn; tổ chức bộ máy, nhân sự; tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng đào tạo, tài chính, tài sản và đầu tư; quan hệ công tác; chế độ làm việc, thông tin, báo cáo; thanh tra và kiểm tra; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Học viện; toàn thể công chức, viên chức, người lao động và người học tại Học viện.

Điều 2. Vị trí pháp lý của Học viện

1. Học viện được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiền thân của Học viện là Trường Đại học Nông Lâm, được thành lập ngày 12 tháng 10 năm 1956 theo Nghị định số 53-NL-QT-NĐ của Bộ Nông Lâm.

2. Học viện là cơ sở giáo dục đại học công lập trọng điểm, tự chủ toàn diện trong hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tên của Học viện:

- a) Tên tiếng Việt: Học viện Nông nghiệp Việt Nam (viết tắt là HVN);
- b) Tên tiếng Anh: Vietnam National University of Agriculture (viết tắt là VNUA).

4. Ngày thành lập: ngày 12 tháng 10 năm 1956.

5. Logo của Học viện: Hình tròn, nền xanh, bên trong là hình mười cuốn sách màu vàng hạt thóc, viền màu đất tượng trưng cho cánh đồng lúa chín xếp thành hình ngôi sao năm cánh, xung quanh là chữ HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM *1956* màu vàng.

6. Trụ sở chính: Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

7. Học viện chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và của các địa phương nơi có cơ sở, phân hiệu của Học viện.

8. Học viện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Điều 3. Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi của Học viện

1. Sứ mạng

Học viện là trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, và chuyển giao tri thức mới về nông nghiệp và phát triển nông thôn, và các lĩnh vực khác có liên quan; đóng góp đặc lực và hiệu quả vào công cuộc phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và hội nhập quốc tế của đất nước.

2. Tầm nhìn đến 2050

Học viện là đại học tự chủ, đa ngành, đa phân hiệu theo mô hình của đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực; trung tâm xuất sắc của quốc gia, khu vực về đổi mới sáng tạo trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tri thức và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Giá trị cốt lõi

Học viện không ngừng phấn đấu để tạo ra “*Văn hoá Học viện Nông nghiệp Việt Nam*” với 5 giá trị cốt lõi (viết tắt là 5Đ bằng tiếng Việt hay SMART bằng tiếng Anh) theo triết lý:

a) Đoàn kết (Solidarity): “*đoàn kết chặt chẽ, cố gắng không ngừng để tiến bộ mãi*” - “*keeping tight solidarity with endless endeavour for continuous progress*”;

b) Đạo đức (Morality): trên nền tảng *đạo đức* tiên bộ và đậm bản sắc văn hoá Việt Nam - *based on progressive morality typical of the Vietnamese traditional culture*;

c) Đi đầu (Advancement): *đi đầu* về đào tạo, khoa học, công nghệ và phụng sự xã hội - *to strive for leading advancement in education, science, technology and social service*;

d) Đáp ứng (Response): *đáp ứng* nhu cầu không ngừng phát triển của xã hội - *in response to ever changing demands of the society*;

e) Đẳng cấp (Transcendence): khẳng định tầm vóc và vị thế bằng các sản phẩm có đẳng cấp vượt trội - *with products of transcendence*.

Điều 4. Mục tiêu của Học viện

1. Mục tiêu chung

Học viện sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu trở thành đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; đồng thời bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Học viện và trưởng thành trong xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức và nhân sự của Học viện theo mô hình đại học nghiên cứu tự chủ hiện đại; thực hiện quản trị và quản lý Học viện theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của các trường đại học nghiên cứu tiên tiến; lấy hiệu lực quản trị và hiệu quả quản lý làm tiêu chí quyết định;

b) Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học theo hướng đáp ứng thiết thực và hiệu quả nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước; đảm bảo người học được trang bị kiến thức chuyên môn, pháp luật, xã hội, rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của Học viện, đáp ứng nhu cầu của công cuộc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nhu cầu phát triển nền kinh tế tri thức của đất nước;

c) Phát triển, hoàn thiện các chương trình và ngành đào tạo của các bậc học và hình thức đào tạo, trên cơ sở chương trình và ngành đào tạo của các trường đại học có uy tín trên thế giới; xây dựng hệ thống giáo trình, bao gồm cả việc số hóa hệ thống học liệu, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo trực tuyến, ngoại tuyến (e-learning, m-learning, on-lines, off-lines), bảo đảm tính cơ bản, hiện đại, phù hợp với điều kiện của Việt Nam cho trước mắt và trong tương lai;

d) Phát triển quy mô đào tạo hợp lý, chuyển dịch cơ cấu đào tạo theo hướng chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh và đào tạo sau đại học theo định hướng nghiên cứu, chú trọng đào tạo phục vụ phát triển nông thôn, cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Từng bước tiến tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong khu vực và trên thế giới;

e) Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội thông qua các chính sách học bổng, tạo điều kiện thuận lợi để người học là đối tượng chính sách, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được học tập tại Học viện và trưởng thành trong xã hội; bảo đảm năng lực tài chính vững mạnh, cơ sở vật chất khang trang, hiện đại theo chiến lược phát triển của Học viện.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện

1. Chức năng của Học viện được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2. Học viện thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Cụ thể như sau:

- a) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển của Học viện;
- b) Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;
- c) Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo;
- d) Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý, viên chức khác và người lao động;
- e) Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, viên chức quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng ở vùng vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;
- f) Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục;
- g) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật;
- h) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị;
- i) Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài;
- j) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi Học viện đặt trụ sở hoặc có tổ chức hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo quy định;
- k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Học viện hoạt động theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Quyết định số 873/QĐ-TTg và các quy định pháp luật khác có liên quan; theo Quy chế này và các quy chế, quy định khác của Học viện.

Điều 6. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình

Học viện được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/NĐ-CP; Nghị quyết số 77/NQ-CP; Quyết định số 873/QĐ-TTg và các quy định khác có liên quan.

1. Tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn bao gồm ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động tuyển sinh, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế;

b) Xác định, công bố công khai phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của Học viện;

c) Quyết định phương thức tổ chức, quản lý và địa điểm đào tạo đối với các trình độ, hình thức đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo phù hợp với quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam, về chuẩn chương trình đào tạo; biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học (trừ các môn học bắt buộc); tổ chức thực hiện, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo; thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ;

d) Quyết định mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với định hướng phát triển của Học viện, bao gồm cả các ngành chưa có trong danh mục mã ngành cấp 4, các chương trình tiên tiến nhập khẩu, chương trình liên kết, chương trình chất lượng cao;

e) Quyết định đào tạo theo các hình thức trực tuyến, ngoại tuyến (on-lines, off-lines), từ xa và các chương trình đào tạo được số hóa (digital) khác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước; liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài trên cơ sở các đối tác liên kết là các trường đại học, các tổ chức đào tạo có uy tín theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

f) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Học viện;

g) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động khoa học và công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan; tạo điều kiện và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ;

h) Thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và quyết định của Hội đồng Học viện với mục đích ứng dụng, triển khai, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ khoa học và công nghệ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

i) Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học, liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

j) Triển khai các hoạt động về học thuật và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế khác.

2. Tự chủ trong tổ chức và nhân sự bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng và cho thôi việc đối với giảng viên, viên chức và người lao động khác, quyết định nhân sự quản trị, quản lý trong Học viện phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể:

a) Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý; vị trí việc làm và số lượng người làm việc, cơ cấu lao động theo chức danh nghề nghiệp;

d) Quyết định tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, sử dụng và quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người lao động;

e) Quyết định chế độ và chính sách thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao, có những đóng góp vượt trội cho Học viện; quy định mức thu nhập của người lao động theo năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc;

f) Quyết định cử giảng viên, nhà khoa học và người lao động đi tham dự các hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài theo phân cấp; quyết định mời các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia có uy tín ở trong và ngoài nước đến giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý chuyên môn, quản lý các đề án, dự án, chương trình đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện;

g) Thực hiện các quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự khác.

3. Tự chủ trong tài chính và tài sản bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản; thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển; chính sách học phí, học bổng cho sinh viên và chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về quản lý tài chính, tài sản và các chính sách khác;

b) Được sử dụng tài sản vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 7. Trách nhiệm xã hội của Học viện

1. Giải trình về việc thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, về các quy định, thực hiện quy định của Học viện; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện quy định, cam kết bảo đảm chất lượng hoạt động.

2. Công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động trên trang thông tin điện tử của Học viện; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với chủ sở hữu và cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3. Giải trình về mức lương, thưởng và quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý của Học viện tại hội nghị viên chức, người lao động; thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hằng năm, kiểm toán đầu tư và mua sắm; giải trình về hoạt động của Học viện trước chủ sở hữu, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Thực hiện công khai báo cáo tài chính hằng năm và nội dung khác trên trang thông tin điện tử của Học viện theo quy định.

5. Ngoài ra còn thực hiện trách nhiệm giải trình được quy định tại Khoản 4, Điều 13 của Nghị định 99/2019/NĐ-CP; thực hiện nội dung và các hình thức giải trình khác.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mục 1

CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO VÀ CHỨC DANH QUẢN LÝ

Điều 8. Chức vụ lãnh đạo và quản lý

Chức vụ lãnh đạo và chức danh quản lý của Học viện được bổ nhiệm, công nhận bao gồm:

1. Chức vụ lãnh đạo: Chủ tịch Hội đồng và Phó Chủ tịch Hội đồng Học viện (nếu có); Giám đốc và các Phó Giám đốc Học viện.

2. Chức vụ quản lý: Hiệu trưởng các Trường thành viên; Thư ký Hội đồng Học viện; Trưởng, phó các đơn vị (khoa, ban, viện, trung tâm và tương đương) thuộc và trực thuộc Học viện; Kế toán trưởng; Trưởng, phó các bộ môn và tương đương; Giám đốc Phân hiệu và Trưởng, phó Văn phòng đại diện của Học viện.

Điều 9. Tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Học viện

1. Cùng với các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, sức khỏe, Học viện coi các tiêu chuẩn về hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác¹ là

¹ Thể hiện qua Đề án công tác và Chương trình hành động khi được đề cử/ứng cử và kết quả thực tế hàng năm, giữa nhiệm kỳ và cả nhiệm kỳ khi điều hành, quản lý Học viện, điều hành quản lý đơn vị.

các tiêu chuẩn quyết định; các tiêu chuẩn về độ tuổi, nhiệm kỳ, bằng cấp và các tiêu chuẩn khác quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành là các tiêu chuẩn tham khảo quan trọng.

2. Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (sau đây viết chung là chức vụ quản lý) của Học viện là những người có tinh thần dấn thân, làm việc có trách nhiệm cao, gắn bó làm việc lâu dài với Học viện, có tư duy đổi mới, có suy nghĩ và hành động sáng tạo vì sự phát triển của Học viện; giỏi về chuyên môn, vững về nghiệp vụ, thông thạo tiếng Anh và kỹ năng công nghệ thông tin; có những đóng góp thiết thực, cụ thể và nổi trội trong việc góp phần nâng cao uy tín, vị thế và tăng cường tiềm lực tài chính của Học viện; có văn bản đồng ý bỏ nhiệm/công nhận chức vụ quản lý của cấp có thẩm quyền.

Học viện khuyến khích viên chức sử dụng được nhiều ngoại ngữ, nhưng lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ chính trong giao tiếp và trong các hoạt động khoa học có yếu tố nước ngoài.

Những người thuộc một trong các trường hợp sau được coi là thông thạo tiếng Anh:

a) Đã sống và học tập, làm việc liên tục từ 02 năm trở lên tại quốc gia, vùng lãnh thổ có tiếng Anh là tiếng bản ngữ (tiếng mẹ đẻ) hoặc sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp và làm việc hàng ngày với người nước ngoài của đại bộ phận dân chúng; hoặc:

b) Viết và bảo vệ luận văn, luận án bằng tiếng Anh; hoặc là tác giả chính (tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ) của ít nhất 03 bài báo tiếng Anh đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, Scopus hoặc các ấn phẩm khoa học khác (các chương, phần của sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình) do 200 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) hoặc Quacquarelli Symonds World University Rankings (QS World University Rankings) vào năm ấn phẩm được in và phát hành; hoặc các nhà xuất bản có uy tín khoa học cao như Routledge, Cengage Learning, Elsevier, Springer, Earthscan, Oxford Press, Trans-Pacific Press; hoặc:

c) Tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành ngôn ngữ Anh hệ tập trung; hoặc:

d) Có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt từ 6,5 điểm trở lên hoặc tương đương, không quá 02 năm tính đến thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm.

3. Các tiêu chuẩn định lượng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, vai trò tiên phong, gương mẫu của người giữ chức vụ quản lý được thực hiện theo quy định của Quy chế này và theo cam kết của cá nhân người giữ chức vụ quản lý khi được bổ nhiệm trên cơ sở vị trí công tác và nhiệm vụ được giao; nhưng chủ yếu theo các tiêu chuẩn chính sau:

a) Số công trình khoa học và công nghệ của đơn vị và của cá nhân người giữ chức vụ quản lý trong năm học được đánh giá, trong 02 năm học liên tiếp,

trong 03 năm học liên tiếp, trong 04 năm học liên tiếp so với năm học được đánh giá và trong cả nhiệm kỳ;

b) Tỷ lệ sinh viên của đơn vị có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng;

c) Số sáng kiến, đổi mới trong công tác tổ chức, quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân của người giữ chức vụ quản lý và của đơn vị trong năm học;

d) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng Học viện/Giám đốc Học viện giao và theo cam kết của cá nhân khi được bổ nhiệm/phê chuẩn;

e) Đối với Giám đốc Học viện và Trưởng các đơn vị tự chủ, thêm tiêu chuẩn về số kinh phí thu về Học viện và đơn vị trong nhiệm kỳ, thu nhập thực tế của viên chức và người lao động, trong đó phải thể hiện vai trò đi đầu của cá nhân viên chức quản lý.

f) Hội đồng Học viện và Giám đốc Học viện có quyền cho miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ có thời hạn với người giữ chức vụ quản lý khi không hoàn thành nhiệm vụ, không thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không thực hiện đúng các cam kết khi ứng cử, khi có biểu hiện thiếu vai trò tiên phong gương mẫu, không yên tâm gắn bó làm việc lâu dài với Học viện, làm mất đoàn kết nội bộ, làm suy giảm ý chí và sự đồng thuận của viên chức trong đơn vị khi thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đơn vị và của Học viện.

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí về khoa học và công nghệ là một trong các tiêu chuẩn, tiêu chí bắt buộc phải được xem xét trước khi bổ nhiệm, quy hoạch viên chức vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của Học viện, theo nguyên tắc chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ của viên chức lãnh đạo, quản lý của giai đoạn sau phải cao hơn giai đoạn trước; nhưng cần được công bố công khai trước khi tiến hành quy trình bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý.

5. Giám đốc Học viện có thể đề nghị Hội đồng Học viện xem xét, quyết định những trường hợp đặc biệt khi bổ nhiệm nhằm đảm bảo và tăng cường hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác của đơn vị và của Học viện.

Điều 10. Đối tượng, độ tuổi bổ nhiệm và thời hạn giữ chức vụ quản lý

1. Đối tượng được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý bao gồm viên chức và hợp đồng lao động (sau đây gọi chung là viên chức).

2. Độ tuổi bổ nhiệm được tính cả thời gian kéo dài làm việc theo quy định.

3. Thời hạn/nhiệm kỳ giữ chức vụ quản lý từ Giám đốc Học viện trở xuống được tính theo nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện.

4. Không nên giữ cùng một chức vụ quản lý quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp; trừ chức danh Trưởng, Phó Bộ môn và tương đương, Trưởng, Phó các đơn vị hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên, và các trường hợp buộc phải luân chuyển/thôi giữ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi các chức vụ quản lý

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi chức vụ Chủ tịch Hội đồng và Giám đốc Học viện.

2. Hội đồng Học viện:

a) Quyết định và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cho thôi chức vụ Giám đốc Học viện;

b) Bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi chức vụ Phó Giám đốc Học viện;

3. Giám đốc Học viện: bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi các chức vụ khác còn lại. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện báo cáo và xin ý kiến Hội đồng Học viện trước khi bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền.

Điều 12. Tập thể lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, hội nghị đại biểu

1. Tập thể lãnh đạo: Ban Thường vụ Đảng ủy; Chủ tịch và Phó Chủ tịch (nếu có) Hội đồng Học viện; Giám đốc và Phó Giám đốc Học viện.

2. Cán bộ chủ chốt: Đảng ủy viên; Thường trực Hội đồng Học viện; Giám đốc và Phó Giám đốc Học viện; Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Chủ tịch Công đoàn Học viện; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Học viện; Trưởng và Phó các khoa; Trưởng và Phó các đơn vị chức năng; Đại diện các viện, trung tâm, công ty thuộc và trực thuộc Học viện do tập thể lãnh đạo quyết định; trong một số trường hợp, do tập thể lãnh đạo quyết định, có thể bao gồm Trưởng các Bộ môn.

3. Cán bộ chủ chốt mở rộng: Gồm các thành phần nêu tại Khoản 1 Điều này và viên chức có bằng tiến sĩ; viên chức có chức danh giảng viên chính và tương đương trở lên.

4. Hội nghị đại biểu của Học viện chiếm ít nhất 50% tổng số viên chức của Học viện, trong đó bao gồm các thành phần nêu tại Khoản 3 Điều này và đại biểu do các đơn vị giới thiệu.

Mục 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Học viện

1. Hội đồng Học viện.

2. Giám đốc và Phó Giám đốc Học viện.

3. Trường, khoa, viện có hoạt động đào tạo.

4. Văn phòng, ban và trung tâm chức năng.
5. Bộ môn thuộc Trường, khoa, viện.
6. Tổ chức dịch vụ đào tạo và khoa học, công nghệ; cơ sở sản xuất, dịch vụ và kinh doanh.
7. Phân hiệu, cơ sở, văn phòng đại diện, các trạm trại, trung tâm đại diện trong và ngoài nước.
8. Hội đồng khoa học và đào tạo, và các hội đồng/ban tư vấn khác.

Mục 3

HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN

Điều 14. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Hội đồng Học viện (sau đây gọi chung là Hội đồng - tên tiếng Anh là "Board of Council") là tổ chức quyền lực, thực hiện quyền quản trị, quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan đối với Học viện.

Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và trước xã hội về quản lý và sử dụng hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước, xã hội và các thành phần kinh tế khác, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho Học viện.
2. Quản trị toàn diện các hoạt động của Học viện; Hội đồng có quyền nhân danh Học viện để quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Học viện, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của Học viện; chủ trương phát triển Học viện thành đại học hoặc việc sáp nhập với trường đại học khác.
4. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở của Học viện.
5. Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Học viện với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.
6. Quyết định cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của Học viện; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý giảng viên, viên chức.

7. Quyết định và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Học viện; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Học viện trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Học viện; quyết định các chức danh quản lý khác theo Quy chế này; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Chủ tịch Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện; lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Trong trường hợp khuyết Giám đốc Học viện, Hội đồng Học viện quyết định giao một trong số các Phó Giám đốc Học viện giữ nhiệm vụ phụ trách Học viện. Thời gian phụ trách không quá 06 tháng.

8. Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Học viện; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Học viện.

9. Quyết định chủ trương đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của các chức danh quản lý của Học viện theo kết quả, hiệu quả công việc và các vấn đề khác theo Quy chế này.

10. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng, việc tuân thủ pháp luật, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Học viện và trách nhiệm giải trình của Giám đốc; Giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Học viện; Phê duyệt báo cáo hằng năm của Học viện do Giám đốc Học viện báo cáo tại hội nghị viên chức; Báo cáo về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng Học viện.

11. Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của Hội đồng Học viện; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Học viện; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Học viện.

12. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ, tối thiểu là 15 thành viên và tối đa là 25 thành viên trong và ngoài Học viện. Hội đồng có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch (nếu cần) và 01 Thư ký Hội đồng.

2. Thành viên trong Học viện bao gồm thành viên đương nhiên và thành viên bầu.

a) Thành viên đương nhiên bao gồm: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn Học viện và đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện là người học;

b) Thành viên bầu bao gồm đại diện giảng viên chiếm tỷ lệ tối thiểu là 25% tổng số thành viên của Hội đồng, tiêu chuẩn cụ thể của các đại diện giảng viên do Hội đồng quy định, nhưng phải là các giảng viên gương mẫu, có những đóng góp nổi trội cho đơn vị và Học viện; đại diện viên chức và người lao động;

c) Thành viên ngoài Học viện chiếm tỷ lệ tối thiểu là 30% tổng số thành viên của Hội đồng, bao gồm:

- Đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đại diện của cộng đồng xã hội do Hội nghị đại biểu bầu bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động đang hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Học viện; không phải là người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột với các thành viên khác trong Hội đồng.

3. Hội đồng Học viện quyết định các chức danh khác của Hội đồng (Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng) và các tổ chức khác thuộc Hội đồng (Thường trực Hội đồng)...

4. Danh sách Chủ tịch và thành viên Hội đồng được công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện sau khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

5. Nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Nhiệm kỳ của Hội đồng là 05 năm. Hội đồng họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng hoặc của Giám đốc Học viện hoặc của ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng. Cuộc họp Hội đồng là họp lệ khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp, trong đó có thành viên bên ngoài Học viện;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số;

c) Nghị quyết của Hội đồng chỉ có giá trị khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý, trong đó có Chủ tịch Hội đồng;

d) Quyết định của Hội đồng được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết.

Điều 16. Thủ tục kiện toàn Hội đồng đương nhiệm và thành lập Hội đồng nhiệm kỳ tiếp theo

1. Thủ tục kiện toàn Hội đồng đương nhiệm

a) Khi số lượng thành viên Hội đồng có sự biến động lớn (nhiều hơn 20% số thành viên Hội đồng do nghỉ hưu, chuyển công tác, thôi tham gia thành viên...) hoặc khi Nhà nước có sự thay đổi về quy định liên quan đến Hội đồng; căn cứ vào

điều kiện thực tế của Học viện, Chủ tịch Hội đồng Học viện tổ chức cuộc họp tập thể lãnh đạo Học viện để thống nhất phương án kiện toàn Hội đồng về một số nội dung: (1) Mục đích, nội dung của việc kiện toàn Hội đồng; (2) Số lượng và cơ cấu thành viên tham gia Hội đồng; (3) Tiêu chuẩn thành viên đại diện cho giảng viên, viên chức và người lao động; (4) Dự kiến danh sách thành viên bầu bổ sung (trong và ngoài Học viện); (5) Các bước thực hiện quy trình kiện toàn Hội đồng Học viện.

b) Trình tự, thủ tục và nguyên tắc giới thiệu, bầu bổ sung thành viên, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thực hiện như thành lập Hội đồng nhiệm kỳ tiếp theo.

2. Thành lập Hội đồng nhiệm kỳ tiếp theo

Chủ tịch Hội đồng Học viện đương nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy trình sau:

a) Bước 1: Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp tập thể lãnh đạo Học viện để xác định tổng số thành viên Hội đồng và số lượng thành viên của từng thành phần tham gia Hội đồng, trong đó có số lượng thành viên đại diện cho giảng viên, viên chức và người lao động, các thành viên mời (bên ngoài Học viện);

b) Bước 2: Tập thể lãnh đạo đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cử đại diện tham gia Hội đồng. Thống nhất về số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng với đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời đề nghị Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện cử đại diện Ban Chấp hành là người học tham gia Hội đồng.

c) Bước 3: Trên cơ sở kết quả Hội nghị quy định tại mục a) b) Khoản này, Chủ tịch Hội đồng tổ chức và chủ trì Hội nghị đại biểu để bầu thành viên Hội đồng.

Nội dung Hội nghị: Người chủ trì quán triệt mục đích, nội dung của việc bầu thành viên Hội đồng Học viện đại diện cho giảng viên, viên chức và người lao động, đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đại diện của cộng đồng xã hội; Giới thiệu danh sách ứng viên đủ điều kiện đã được Hội nghị quy định tại mục a) Khoản này thông qua để Hội nghị trao đổi, thảo luận và thống nhất danh sách ứng viên đưa vào danh sách bầu và danh sách mời; Các đại biểu bầu thành viên Hội đồng Học viện bằng bỏ phiếu kín; Kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu.

Nguyên tắc lựa chọn: Thành viên Hội đồng được lựa chọn là những ứng viên được trên 50% số phiếu hợp lệ trở lên và theo thứ tự tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp. Trường hợp số ứng viên đại diện cho từng nhóm (nếu có) có tỷ lệ phiếu bầu bằng nhau thì Hội nghị tiếp tục bầu trong số những người đó để lựa chọn hoặc do Hội nghị quyết định.

Ghi chú: Ưu tiên bầu chọn các thành viên không làm công tác quản lý ở cấp Học viện và các đơn vị

d) Bước 4: Trên cơ sở kết quả thảo luận và kết quả bầu tại Hội nghị quy định tại điểm a), b) và điểm c) Khoản này, Chủ tịch Hội đồng Học viện mời thành viên ngoài Học viện tham gia Hội đồng và đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp thành viên ngoài Học viện về việc cho phép những thành viên này tham gia Hội đồng (nếu có cơ quan quản lý trực tiếp).

e) Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần), Thư ký và Thường trực Hội đồng.

Nguyên tắc bầu và lựa chọn: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký và thành viên Thường trực Hội đồng do Hội đồng bầu trong số các thành viên của Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý.

f) Bước 5: Hội đồng Học viện báo cáo và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận Hội đồng Học viện và Chủ tịch Hội đồng.

Hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận Hội đồng và Chủ tịch Hội đồng mới bao gồm: Tờ trình đề nghị công nhận Hội đồng Học viện, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên Hội đồng; danh sách, sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý tham gia của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Học viện; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, văn bản cử thành viên tham gia Hội đồng Học viện của cơ quan quản lý trực tiếp và các tài liệu có liên quan.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) và Thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Học viện được quy định tại Điều 14 của Quy chế này; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng; ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng; được sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của Học viện để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng; thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng.

b) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

c) Thay mặt Hội đồng để ký ban hành các văn bản, quy định, quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng; quyết định bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi các chức vụ được quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Quy chế này;

d) Chủ tịch Hội đồng được hưởng phụ cấp chức vụ cao nhất trong danh mục phụ cấp chức vụ của Học viện. Khoản phụ cấp này được dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm bắt buộc.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng

a) Thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch Hội đồng;

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng giải quyết các công việc khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

c) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng;

d) Được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương Phó Giám đốc Học viện. Khoản phụ cấp này được dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm bắt buộc.

3. Thư ký Hội đồng

Thư ký Hội đồng trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của Học viện báo cáo Chủ tịch Hội đồng; chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng;

b) Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng;

c) Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công và thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng;

d) Được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương trưởng đơn vị chức năng. Khoản phụ cấp này được dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm bắt buộc.

4. Các thành viên của Hội đồng

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công và các nhiệm vụ khác được quy định tại Quy chế này và Quy định chế độ làm việc/Quy chế làm việc của Hội đồng;

b) Thành viên Hội đồng là đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm truyền đạt ý kiến của Bộ trưởng đến Hội đồng tại các cuộc họp của Hội đồng và báo cáo đầy đủ, trung thực tình hình của Học viện với Bộ trưởng;

c) Thành viên Hội đồng được hưởng phụ cấp theo Quy định Quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ của Học viện. Khoản phụ cấp này không được dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm bắt buộc.

5. Thường trực Hội đồng

a) Thường trực Hội đồng có chức năng giúp Hội đồng chuẩn bị, tổ chức và đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên và đột xuất của Hội đồng giữa các kỳ họp. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng được quy định tại Quy định/Quy chế làm việc của Hội đồng;

b) Thường trực Hội đồng có không quá 09 thành viên và số thành viên phải là số lẻ, các thành viên đương nhiên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện; các thành viên bầu gồm từ 03

đến 04 thành viên khác trong Hội đồng đại diện cho các lĩnh vực chuyên môn chính khác nhau. Trình tự và thủ tục bầu thành viên Thường trực Hội đồng được quy định trong Quy chế/quy định làm việc của Hội đồng.

Điều 18. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín cao trong và ngoài Học viện, có tầm nhìn chiến lược trong phát triển Học viện, có kinh nghiệm quản lý cấp khoa, ban chức năng của Học viện ít nhất 05 năm, ưu tiên người đã có kinh nghiệm quản lý cấp Học viện, có đủ sức khỏe về thể chất và tinh thần để thực hiện nhiệm vụ, và các tiêu chuẩn khác được quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2. Độ tuổi bổ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng được tính cả thời gian được kéo dài làm việc khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ; tham gia lần đầu phải đủ tuổi để thực hiện nhiệm vụ ít nhất một nhiệm kỳ; có thể bổ nhiệm lại nhiệm kỳ tiếp theo nếu còn ít nhất 30 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP.

Cụ thể, khi tham gia lần đầu:

a) Đối với nam: Dưới 65 tuổi đối với thành viên có chức danh giáo sư; dưới 62 tuổi đối với thành viên có chức danh phó giáo sư;

b) Đối với nữ: Dưới 60 tuổi đối với thành viên có chức danh giáo sư; dưới 57 tuổi đối với thành viên có chức danh phó giáo sư.

3. Có bằng Tiến sĩ và chức danh từ Phó Giáo sư trở lên.

4. Có ít nhất 01 công trình khoa học được ứng dụng vào thực tế sản xuất (giống mới, công nghệ mới, giải pháp hữu ích mới, tiến bộ kỹ thuật, sản phẩm khoa học công nghệ mới, khuyến nghị về chính sách, thể chế mới) được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hoặc là tác giả chính của ít nhất 01 bằng sáng chế, phát minh được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hoặc là chủ nhiệm ít nhất 02 đề tài khoa học - công nghệ cấp Quốc gia và tương đương² đã được nghiệm thu từ đạt trở lên; hoặc được giải thưởng quốc gia (từ giải Tài năng khoa học trẻ trở lên) và quốc tế về khoa học và công nghệ;

5. Là đồng tác giả của ít nhất 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus; trong đó là tác giả thứ nhất (first author) hoặc tác giả liên hệ (corresponding author) của ít nhất 03 bài báo khoa học³ công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus có chỉ số tác động (Impact Factor) từ 1,0 trở lên;

² Là những đề tài, dự án trong và ngoài nước có giá trị từ 05 tỷ đồng Việt Nam trở lên tính theo thời giá năm 2016.

³ Bao gồm cả các chương, bài viết trong các sách khoa học được quy định tại Mục b) Khoản 2) Điều 9 của Quy chế này. Mỗi giải thưởng quốc tế và trong nước về KH&CN tương đương với giải Tài năng khoa học trẻ/Vifotec trở lên của ứng viên hay của nhóm nghiên cứu khoa học do ứng viên phụ trách được coi tương đương với 01 bài báo khoa học công bố trên ISI, Scopus.

trong 03 năm liền kề so với năm được công nhận chức Chủ tịch Hội đồng phải có ít nhất 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus.

6. Chủ tịch Hội đồng do Hội đồng Học viện bầu bằng phiếu kín trong số các thành viên của Hội đồng theo nguyên tắc đa số và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận; trường hợp thành viên ngoài Học viện trúng cử Chủ tịch Hội đồng thì phải trở thành viên chức cơ hữu của Học viện.

7. Chủ tịch Hội đồng không kiêm nhiệm các chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện; trưởng, phó các khoa; trưởng, phó các đơn vị chức năng của Học viện.

8. Trường hợp đặc biệt, căn cứ kết quả bầu của Hội đồng, Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch Hội đồng nhiệm kỳ trước báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

9. Trường hợp Hội đồng không thể bầu được Chủ tịch Hội đồng trong số các thành viên của Hội đồng thì Hội đồng có thể thuê/mời người trong và quá tuổi lao động, trong và ngoài nước, có kinh nghiệm quản lý và quản trị đại học để làm Chủ tịch Hội đồng. Điều khoản và điều kiện thuê/mời Chủ tịch do Hội đồng quyết định.

10. Chủ tịch Hội đồng Học viện được xem xét bổ nhiệm lại cho nhiệm kỳ tiếp theo khi nhiệm kỳ hiện tại đạt được các kết quả như sau:

a) Số công trình khoa học được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, hoặc số bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus của Học viện tăng ít nhất 10%;

b) Tổng số kinh phí hàng năm của Học viện tăng ít nhất 10%;

c) Số sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng có việc làm đúng hoặc phù hợp với ngành nghề được đào tạo đạt ít nhất 85%;

d) Thu nhập của viên chức tăng ít nhất 10%.

Điều 19. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng

1. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội đồng tương tự như tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng, nhưng có thể thấp hơn và không hạn chế về độ tuổi theo quy định.

2. Tiêu chuẩn Thư ký Hội đồng như tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban chức năng và tương đương.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng trong Học viện là đại diện giảng viên, viên chức và người lao động (thành viên bầu).

Ngoài các tiêu chuẩn đối với viên chức theo quy định của pháp luật, thành viên Hội đồng là thành viên bầu phải có những tiêu chuẩn sau:

a) Lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và quy chế của Học viện; có tinh thần dân thân, có tư duy và hành động tiên phong trong đổi mới và

sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên theo quy định và có những đóng góp nổi trội cho sự phát triển của Học viện;

b) Có đủ sức khỏe;

c) Thông thạo tiếng Anh Chuyên môn và tiếng Anh giao tiếp;

d) Độ tuổi tham gia lần đầu tính tại thời điểm bầu:

- Đối với nam: Dưới 65 tuổi đối với ứng viên/thành viên có chức danh giáo sư; dưới 62 tuổi đối với ứng viên/thành viên có chức danh phó giáo sư; dưới 60 tuổi đối với ứng viên/thành viên có bằng tiến sĩ; dưới 55 đối với ứng viên/thành viên có bằng thạc sĩ.

- Đối với nữ: Dưới 60 tuổi đối với ứng viên/thành viên có chức danh giáo sư; dưới 57 tuổi đối với ứng viên/thành viên có chức danh phó giáo sư; dưới 55 tuổi đối với ứng viên/thành viên có bằng tiến sĩ; dưới 50 đối với ứng viên/thành viên có bằng thạc sĩ.

e) Độ tuổi tham gia từ lần thứ hai khi ứng viên/thành viên được xác định khi còn đủ ít nhất 30 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định 141/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ;

f) Có kinh nghiệm trong công tác quản lý, hoặc có nhiều đóng góp cho khoa học và công nghệ trong 03 năm liền kề; cụ thể là: đã hoặc đang chủ trì ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương trở lên hoặc có ít nhất 01 giải pháp công nghệ mới, sáng kiến cải tiến quản lý/chính sách mới, 01 tiến bộ kỹ thuật mới, 01 giống cây trồng/vật nuôi mới và tương đương được cấp có thẩm quyền công nhận, hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus.

4. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng ngoài Học viện (thành viên mời)

a) Thành viên là đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cử tham gia Hội đồng, nhưng phải được Thường trực Hội đồng Học viện đương nhiệm chấp thuận.

b) Các thành viên còn lại:

- Là nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân, cựu sinh viên, người sử dụng lao động tiêu biểu, có nhiều đóng góp cho Học viện, có uy tín cao trong xã hội;

- Tự nguyện tham gia Hội đồng Học viện, chấp hành Quy chế này và các quy định khác của Học viện;

- Do Hội đồng đương nhiệm giới thiệu và được Hội nghị đại biểu bầu.

Điều 20. Thủ tục bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch và các thành viên Hội đồng

1. Thủ tục bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng;
- b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;
- d) Vi phạm pháp luật nghiêm trọng bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang chấp hành bản án của tòa án;
- e) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

f) Thành phần đương nhiên khi đã có quyết định thôi giữ chức vụ và các thành viên khác khi đã có quyết định nghỉ hưu hoặc chuyển sang công tác khác không còn phù hợp với nhiệm vụ hoặc đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện là người học khi đã tốt nghiệp ra trường;

g) Chủ tịch Hội đồng xem xét đưa ra khỏi Hội đồng các thành viên Hội đồng vắng mặt trong 03 cuộc họp liên tiếp, hoặc vắng mặt trong 04 cuộc họp trong một năm của Hội đồng; thành viên không có ý kiến đóng góp gì cho Hội đồng trong một năm, hoặc không hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng phân công, hoặc thể hiện là người không có tinh thần dấn thân, không có tư duy và hành động tiên phong trong đổi mới và sáng tạo; ý kiến đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chỉ có giá trị pháp lý khi được trên 50% thành viên Hội đồng đồng ý.

Hội đồng có trách nhiệm xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi Chủ tịch và thành viên Hội đồng và gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi và các văn bản, minh chứng liên quan.

2. Thủ tục thay thế Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng

a) Trường hợp Chủ tịch hội đồng bị khuyết (do bãi nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi chức theo quy định tại khoản 1 Điều này, hết tuổi đảm nhiệm chức vụ theo quy định, chuyển công tác, ốm đau dài ngày, mất) thì Phó chủ tịch (nếu có), hoặc Thư ký (nếu không có phó chủ tịch) tổ chức họp Hội đồng để bầu Chủ tịch mới theo quy định tại Quy chế này và gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định của Quy chế này đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận;

b) Trường hợp Hội đồng bị khuyết thành viên (ít hơn 20% tổng số thành viên), nếu tập thể lãnh đạo thấy cần có thành viên thay thế, Chủ tịch Hội đồng căn cứ vào thành phần của các thành viên bị khuyết để chỉ đạo lựa chọn thành viên thay thế và gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định của Quy chế này đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định công nhận. Tờ trình nêu rõ lý do thay thế thành viên Hội đồng kèm theo các hồ sơ minh chứng liên quan.

Mục 4

GIÁM ĐỐC VÀ PHÓ GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

Điều 21. Giám đốc Học viện

1. Giám đốc Học viện là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động thường xuyên của Học viện theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này, tiệm cận với phương thức điều hành và quản lý của các trường đại học nghiên cứu tiên tiến trên thế giới, tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình trước Hội đồng Học viện, trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước xã hội và trước pháp luật về các lĩnh vực hoạt động của Học viện.

2. Giám đốc Học viện do Hội đồng Học viện lựa chọn, bầu trong số các giảng viên có những đóng góp vượt trội cho Học viện, có uy tín cao theo các tiêu chuẩn và điều kiện do Hội đồng quyết định, và phải được cơ quan chủ quản công nhận. Trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy trình bổ nhiệm nhân sự do tập thể lãnh đạo Học viện quyết định, đảm bảo nguyên tắc khách quan, dân chủ, cạnh tranh, minh bạch, tìm đúng người có tài, đức trên cơ sở các đóng góp thực tế của ứng viên cho sự phát triển của Học viện và chương trình hành động khả thi được trình bày tại Hội nghị cán bộ chủ chốt hoặc cán bộ chủ chốt mở rộng của Học viện.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện; thời gian của nhiệm kỳ do Hội đồng Học viện quyết định trên cơ sở điều kiện thực tế, đảm bảo sự phát triển ổn định của Học viện.

4. Tiêu chuẩn Giám đốc Học viện như tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng Học viện; riêng tiêu chuẩn về tầm nhìn chiến lược và uy tín có thể thấp hơn.

5. Học viện có thể thuê/mời người trong và quá tuổi lao động, trong và ngoài nước, có kinh nghiệm quản lý và quản trị đại học giữ chức Giám đốc Học viện. Điều khoản và điều kiện thuê/mời người giữ chức Giám đốc Học viện do Hội đồng Học viện quyết định.

6. Giám đốc Học viện được xem xét bổ nhiệm nhiệm kỳ tiếp theo khi đạt được các kết quả của nhiệm kỳ hiện tại (so với nhiệm kỳ trước) như điều kiện bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng Học viện.

7. Giám đốc Học viện có thể được xem xét bổ nhiệm nhiệm kỳ tiếp theo khi đã quá tuổi quản lý/đến tuổi nghỉ hưu theo quy định khi có các đóng góp đặc biệt xuất sắc cho sự phát triển của Học viện của nhiệm kỳ hiện tại so với nhiệm kỳ trước như sau:

a) Số công trình khoa học được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, hoặc số bài báo quốc tế đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus của Học viện tăng ít nhất 02 lần (tăng ít nhất 100%);

b) Tổng số kinh phí của Học viện, tính theo giá tương đương, tăng ít nhất gấp 02 lần (tăng ít nhất 100%);

c) Số sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng có việc làm đúng hoặc phù hợp với ngành nghề được đào tạo thấp nhất 95%;

d) Thu nhập thực tế của viên chức, tính theo giá tương đương, tăng ít nhất 02 lần (tăng ít nhất 100%).

8. Nhiệm vụ và quyền hạn chung của Giám đốc Học viện:

a) Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Học viện;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và quyết định của Hội đồng Học viện;

c) Trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Học viện sau khi tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Học viện; ban hành quy định, quy chế, quy trình khác của Học viện theo Quy chế này;

d) Đề xuất Hội đồng Học viện xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi chức vụ quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Học viện; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi chức vụ quản lý khác của Học viện, quyết định dự án đầu tư theo Quy chế này;

e) Hằng năm, báo cáo trước Hội đồng Học viện về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Học viện và các Phó Giám đốc Học viện, tài chính, tài sản của Học viện; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

f) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng Học viện và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

9. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Giám đốc Học viện:

a) Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển hàng năm của Học viện trình Hội đồng Học viện quyết định;

b) Xây dựng quy định về số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý và viên chức khác trình Hội đồng Học viện quyết định;

c) Tổ chức tuyển dụng (bao gồm cả tiêu chuẩn, quy trình và cách thức tuyển dụng), quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý và viên chức khác theo quy định của pháp luật và của Quy chế này;

d) Giới thiệu nhân sự giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện;

e) Bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ chức vụ có thời hạn và cho thôi các chức vụ quản lý do Giám đốc bổ nhiệm được quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Quy chế này. Việc giao nhiệm vụ, đình chỉ chức vụ không quá 06 tháng và được thực hiện không theo trình tự, thủ tục về quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi chức vụ do Giám đốc Học viện ban hành;

f) Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện có thể bổ nhiệm các nhân sự không đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế này trên cơ sở lấy mục đích về hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác của Học viện, của đơn vị làm tiêu chuẩn quyết định; nhưng phải có báo cáo giải trình với Hội đồng Học viện. Những nhân sự này, với vai trò cá nhân của họ, phải là viên chức có những đóng góp nổi bật cho sự phát triển của Học viện, của đơn vị trong 03 năm gần đây;

g) Quyết định việc cử các chức danh lãnh đạo, quản lý từ Chủ tịch Hội đồng Học viện, Phó Giám đốc Học viện trở xuống, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, trao đổi, hợp tác ở trong và ngoài nước, phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược phát triển của Học viện;

h) Ký giao kết hợp đồng lao động với các giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý là người trong và ngoài nước, trong và quá độ tuổi lao động (hưu trí) có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp, có sức khỏe, tự nguyện làm việc để đảm bảo nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và quản lý của Học viện;

i) Hàng năm hoặc đột xuất, tổ chức đánh giá, phân loại viên chức; hàng năm hoặc đột xuất, tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của người học và của các nhà tuyển dụng đối với Học viện;

j) Xem xét các ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho Hội đồng Khoa học và Đào tạo tư vấn. Trường hợp không đồng ý với ý kiến tư vấn, Giám đốc Học viện có quyền quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình;

k) Trao đổi với Chủ tịch Hội đồng Học viện và thống nhất cách giải quyết theo quy định của pháp luật và của Quy chế này nếu phát hiện Nghị quyết vi phạm pháp luật, hoặc có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động chung của Học viện. Trong trường hợp không thống nhất được ý kiến với Chủ tịch Hội đồng, phải báo cáo ngay với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xin ý kiến chỉ đạo;

l) Tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức và bổ nhiệm vào các hạng viên chức; bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; quyết định nâng bậc lương và tính hưởng các khoản phụ cấp khác đối với viên chức;

m) Quyết định nghỉ hưu, kéo dài thời gian làm việc, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động, điều động, chuyển chuyển, luân chuyển, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức;

- n) Thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức;
- o) Bảo đảm quyền lợi của người học theo quy định;
- p) Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp thu ý kiến và chịu sự giám sát của các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong Học viện;
- q) Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn trong Học viện; quản lý sử dụng con dấu của Học viện theo quy định;
- r) Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý đất đai, tài sản trước Hội đồng Học viện.

Điều 22. Phó Giám đốc Học viện

1. Giúp việc cho Giám đốc Học viện có các Phó Giám đốc do Giám đốc Học viện giới thiệu trong số các ứng viên có những đóng góp nổi bật cho sự phát triển của Học viện, được Hội đồng Học viện bổ nhiệm. Quy trình bổ nhiệm Phó Giám đốc Học viện do Hội đồng quyết định, đảm bảo khách quan, dân chủ, cạnh tranh, minh bạch, tìm đúng người có tài, đức trên cơ sở các đóng góp thực tế và chương trình hành động được trình bày trước hội nghị cán bộ chủ chốt/cán bộ chủ chốt mở rộng của Học viện. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Phó Giám đốc Học viện thì sau khi bổ nhiệm phải là viên chức cơ hữu của Học viện. Phó Giám đốc có thể kiêm nhiệm trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, các đơn vị thuộc khoa.

2. Mỗi Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc Học viện phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác và đơn vị của Học viện. Giám đốc Học viện có thể phân công một Phó Giám đốc Học viện làm nhiệm vụ thường trực để giúp Giám đốc Học viện điều phối các hoạt động chung của Học viện theo chương trình công tác của Học viện và theo yêu cầu của Giám đốc Học viện khi Giám đốc đi công tác vắng. Phó Giám đốc Học viện làm nhiệm vụ thường trực được Giám đốc Học viện phân công giải quyết công việc hàng ngày của Học viện và giải quyết những công việc do Giám đốc Học viện ủy quyền bằng văn bản.

3. Số lượng Phó Giám đốc Học viện không quá 03 người. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện đề nghị Hội đồng Học viện xem xét, quyết định bổ sung thêm 01 Phó Giám đốc Học viện.

4. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Học viện theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện.

5. Tiêu chuẩn của Phó Giám đốc Học viện

Phó Giám đốc Học viện đều phải là các nhà khoa học, nhà giáo có uy tín thông qua các đóng góp thực tế nổi bật cho sự phát triển của Học viện.

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín về khoa học, đào tạo, có năng lực quản lý; đến thời gian bổ nhiệm đã tham gia quản lý từ cấp khoa, ban chức năng trở lên ít nhất 05 năm và đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức vụ quản lý của Học viện. Đối với nhân sự chưa được quy hoạch, nhưng

có số phiếu tín nhiệm cao và trên thực tế đã có những đóng góp xuất sắc đột xuất cho sự phát triển của Học viện cần phải báo cáo và xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhưng quyền quyết định thuộc về Hội đồng Học viện;

b) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

c) Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu đảm bảo đủ 05 năm tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu, bổ nhiệm lại khi còn ít nhất 30 tháng đến hết tuổi nghỉ hưu (tính cả thời gian được kéo dài làm việc theo tháng sinh);

d) Có bằng Tiến sĩ trở lên;

e) Thông thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn;

f) Các tiêu chuẩn về khoa học và công nghệ tương tự như tiêu chuẩn của Giám đốc Học viện; Riêng đối với Phó Giám đốc phụ trách công tác nội chính thì tiêu chuẩn này có thể thấp hơn, nhưng ít nhất phải bằng 2/3 tiêu chuẩn của Giám đốc Học viện.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Học viện

a) Giúp Giám đốc Học viện quản lý và điều hành các hoạt động của Học viện; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác và đơn vị theo sự phân công của Giám đốc Học viện và giải quyết các công việc do Giám đốc Học viện giao; ký các văn bản có liên quan đến lĩnh vực phụ trách và các văn bản khác do Giám đốc Học viện uỷ quyền;

b) Phó Giám đốc Học viện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện, trước Hội đồng Học viện và trước pháp luật về kết quả công việc được giao, phối hợp với các Phó Giám đốc Học viện khác để giải quyết các công việc có liên quan theo quy chế/quy định làm việc của Học viện hoặc quy chế/quy định làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện;

c) Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc Học viện uỷ nhiệm, uỷ quyền hoặc phân công thay mặt Giám đốc giải quyết công việc; Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện, trước Hội đồng Học viện và trước pháp luật về công việc được uỷ nhiệm, uỷ quyền hay được Giám đốc Học viện phân công;

d) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo với Giám đốc Học viện về tình hình công việc được giao.

Mục 5

CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC HỌC VIỆN

Điều 23. Văn phòng, các Ban chức năng và tương đương

1. Văn phòng, các Ban chức năng là đơn vị thuộc Học viện có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc Học viện trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ được Giám đốc Học viện giao.

2. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị do Giám đốc Học viện Quyết định. Số lượng và tên gọi Văn phòng, các Ban có thể thay đổi trong quá trình xây dựng và phát triển Học viện. Giám đốc Học viện ban hành quy định/quy chế làm việc đối với các đơn vị này. Nhiệm vụ và quyền hạn của viên chức trong đơn vị do trưởng đơn vị phân công.

3. Đứng đầu Văn phòng là Chánh Văn phòng, đứng đầu Ban là Trưởng Ban, đứng đầu Trung tâm là Giám đốc Trung tâm (sau đây gọi chung là Trưởng ban).

4. Giúp Trưởng ban có các Phó Trưởng ban do Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban. Mỗi ban có không quá 02 phó Trưởng ban, trừ trường hợp một phó Trưởng ban đang được Giám đốc giao phụ trách ban.

5. Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cho thôi chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban được thực hiện theo quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Khi đề nghị xem xét bổ nhiệm lần đầu, có thể có số dư.

6. Hàng năm, Giám đốc Học viện đánh giá, xếp loại các Trưởng ban và Phó Trưởng ban về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Giám đốc có thể lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban. Quy trình và thủ tục lấy phiếu tín nhiệm do Giám đốc Học viện đề nghị và được Hội đồng Học viện thông qua.

7. Tiêu chuẩn Trưởng ban, Phó trưởng ban

a) Ngoài các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín và có sức khỏe tốt. Trưởng ban phải là người tốt nghiệp đại học hệ chính quy và có bằng Thạc sĩ trở lên, tinh thông nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực của Ban.

Trưởng các Ban Quản lý đào tạo, Ban Khoa học và Công nghệ, Ban Hợp tác quốc tế và Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Đổi mới sáng tạo phải có bằng tiến sĩ trở lên; thông thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn; đã từng là giảng viên đại học hoặc đã tham gia giảng dạy lý thuyết bậc đại học ít nhất 05 năm, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên; đã là chủ nhiệm đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp Bộ đã được nghiệm thu từ đạt trở lên; đã công bố ít nhất 03 bài báo trên tạp chí trong danh mục ISI/Scopus, trong đó ít nhất có 01 bài là tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ trong 05 năm gần đây.

b) Hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác là tiêu chuẩn quyết định, các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành là các tiêu chuẩn tham khảo quan trọng. Nhiệm kỳ của Trưởng ban, Phó trưởng ban theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện và có thể được bổ nhiệm lại trên cơ sở điều kiện thực tế đảm bảo sự phát triển ổn định và vững mạnh của Học viện.

c) Tiêu chuẩn cụ thể đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban được quy định trong quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi và đình chỉ chức vụ có thời hạn.

Điều 24. Trường, Khoa, Viện

1. Trường, Khoa, Viện thuộc Học viện (sau đây viết chung là Khoa) có các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển đơn vị, định hướng đào tạo và nghiên cứu trung hạn, trong đó có các chương trình hợp tác và liên kết với các đối tác trong và ngoài nước; Quản lý và quảng bá thương hiệu của đơn vị và của Học viện; Không ngừng nâng cao vị thế và tầm vóc của đơn vị, của Học viện;

b) Quản lý giảng viên, viên chức và người học của Khoa theo phân cấp của Giám đốc Học viện; Bố trí, quản lý nguồn nhân lực hợp lý, đảm bảo các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, phục vụ xã hội của đơn vị được thông suốt; tạo điều kiện tốt nhất cho các nhóm nghiên cứu phát triển;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Học viện, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Học viện giao; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn hoặc mua tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Học viện; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động; Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy thực hiện theo quy định và theo thông lệ quốc tế;

d) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

e) Xây dựng kế hoạch thu hút và trọng dụng nhân tài, phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội, tăng cường điều kiện bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo;

f) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, viên chức, người học, xây dựng văn hoá đơn vị, nhằm xây dựng khối đoàn kết, yên tâm công tác, học tập và cống hiến cho Học viện; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và viên chức trong đơn vị;

g) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức của đơn vị và tham gia đánh giá viên chức quản lý trong Học viện theo quy định của Học viện;

h) Quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định đất đai, tài sản và các nguồn lực khác mà Học viện giao cho khoa quản lý, sử dụng; góp phần quan trọng vào việc tăng nguồn thu cho Học viện, thực hiện tốt tự chủ tài chính do Giám đốc Học viện giao cho đơn vị, đảm bảo tăng thu nhập cho viên chức trong đơn vị từ nguồn thu hợp pháp;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

2. Số lượng và tên gọi từng khoa có thể thay đổi trong quá trình xây dựng và phát triển Học viện. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của từng khoa do Giám đốc Học viện quy định. Giám đốc Học viện ban hành quy định/quy chế làm việc đối với từng khoa. Nhiệm vụ và quyền hạn của từng giảng viên, viên chức trong khoa do trưởng khoa phân công.

3. Trưởng khoa, phó trưởng khoa chuyên môn

a) Trưởng khoa phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên đại học, phải là người được đào tạo chính quy phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo của khoa, có bằng tiến sĩ trở lên, có sức khỏe tốt, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, có khả năng quản lý, có uy tín cao, là hạt nhân đoàn kết của đơn vị, thông thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn;

b) Điều kiện và tiêu chuẩn bổ nhiệm trưởng khoa theo Điều 9 của Quy chế này; trong đó ứng viên trưởng khoa phải là giảng viên luôn hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, có những đóng góp nổi trội về khoa học và công nghệ, tài chính cho đơn vị và cho Học viện, thể hiện qua các tiêu chí: có ít nhất 02 bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus hoặc tương đương (bằng sáng chế, phát minh, bản quyền công bố về chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Học viện,...); trong 05 năm gần nhất phải đầu thầu thành công ít nhất 01 đề tài cấp bộ và tương đương (đề tài cấp tỉnh, đề tài hợp tác song phương với nước ngoài, hoặc hợp đồng kinh tế với các đối tác có giá trị từ 02 tỷ Việt Nam đồng trở lên,...). Trong số các ứng viên có thành tích và uy tín tương tự nhau, ưu tiên lựa chọn người có nhiều đóng góp hơn cho Học viện.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện có thể giao nhiệm vụ trưởng khoa cho một giảng viên có khả năng hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ của đơn vị; việc giao nhiệm vụ này không theo tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục như quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý thông thường. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Học viện hoặc Thường trực Hội đồng Học viện trước khi giao nhiệm vụ.

Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành hoặc chuyên ngành để cấp một trong các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có tiến sĩ thì Giám đốc Học viện có thể xem xét bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ vào vị trí trưởng khoa.

c) Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này;

d) Mỗi khoa có không quá 02 phó trưởng khoa để giúp trưởng khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của khoa. Đối với khoa được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và có quy mô trên 2.000 sinh viên hệ chính quy, và các trường hợp đặc biệt khác, Giám đốc Học viện có thể xem xét, quyết định bổ sung thêm 01 phó trưởng khoa. Với các trường hợp đặc biệt này, Giám đốc Học viện phải có văn bản báo cáo Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng Học viện trước khi bổ nhiệm;

e) Phó trưởng khoa phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có bằng thạc sĩ trở lên, có sức khỏe tốt, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, thông thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên, có đóng góp về khoa học và công nghệ ít nhất phải bằng 50% trưởng khoa; riêng phó trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có bằng tiến sĩ. Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành hoặc chuyên ngành để cấp một trong các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có viên chức có bằng tiến sĩ thì Giám đốc Học viện có thể xem xét bổ nhiệm người có bằng thạc sĩ vào vị trí phó trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ;

f) Trưởng khoa, phó trưởng khoa nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ trưởng khoa, phó trưởng khoa thì sau khi bổ nhiệm, trưởng khoa, phó trưởng khoa phải là giảng viên cơ hữu của Học viện;

g) Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm và tiêu chuẩn cụ thể đối với trưởng khoa, phó trưởng khoa được thực hiện theo quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm trưởng khoa, phó khoa phải đảm bảo khách quan, dân chủ, cạnh tranh, minh bạch, tìm đúng người có tài, đức trên cơ sở các đóng góp thực tế của ứng viên cho đơn vị và cho Học viện, và chương trình hành động và đối thoại trước hội nghị viên chức trong khoa khi ứng cử hoặc được đề cử;

h) Nhiệm kỳ của trưởng khoa, phó trưởng khoa phù hợp với nhiệm kỳ Giám đốc Học viện, và có thể được bổ nhiệm lại;

i) Hàng năm, Giám đốc Học viện đánh giá, xếp loại trưởng khoa và phó trưởng khoa về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Giám đốc Học viện tổ chức lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất đối với trưởng khoa, phó trưởng khoa; đối tượng lấy phiếu là viên chức trong khoa và đại diện viên chức của các đơn vị trong Học viện có liên quan đến lĩnh vực công tác của người được lấy phiếu tín nhiệm (nếu có). Trường hợp trưởng khoa, phó trưởng khoa có số phiếu tín nhiệm thấp hơn 50% số người được lấy ý kiến thì sẽ được điều chuyển/thay đổi vị trí làm việc, giao nhiệm vụ khác, cho đình chỉ chức vụ có thời hạn hoặc cho thôi giữ chức vụ;

4. Hội đồng khoa

a) Hội đồng khoa được thành lập để tư vấn cho trưởng khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng khoa có Chủ tịch hội đồng và các thành viên do Giám đốc Học viện bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa; số lượng thành viên là số lẻ và có tối thiểu 07 thành viên, gồm: Trưởng khoa, các phó trưởng khoa, các trưởng bộ môn, một số giảng viên, nghiên cứu viên trong khoa là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và một số thành viên bên ngoài khoa, ngoài Học viện có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của khoa (nếu cần thiết).

b) Chủ tịch hội đồng khoa do hội đồng khoa bầu trong số các thành viên hội đồng khoa theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa đồng ý; Chủ tịch Hội đồng khoa có thể đồng thời là trưởng khoa hay phó trưởng khoa.

c) Hội đồng khoa họp ít nhất 01 lần trong một học kỳ do Chủ tịch hội đồng khoa triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng khoa biểu quyết đồng ý. Biên bản cuộc họp của Hội đồng khoa phải được gửi kèm cùng với những đề xuất tương ứng của trưởng khoa khi trình Giám đốc Học viện xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học - công nghệ và dịch vụ xã hội của khoa.

d) Số lượng thành viên và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của hội đồng khoa được quy định cụ thể trong quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng khoa do Giám đốc Học viện ban hành.

5. Khoa được thành lập các Hội đồng tư vấn để tư vấn cho trưởng khoa trực tiếp tại các cuộc họp hoặc gián tiếp bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ xã hội, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng, tạo điều kiện cho các hoạt động của khoa liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, xã hội và đạt được mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Giám đốc Học viện quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các Hội đồng tư vấn.

Điều 25. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn về đào tạo, khoa học và công nghệ của một hoặc một số ngành, chuyên ngành đào tạo trực thuộc khoa trong Học viện; Trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa và chấp thuận của Thường trực Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện quyết định việc thành lập, giải thể, chia tách, sáp nhập các bộ môn và quy định về tổ chức và hoạt động của bộ môn theo quy định của Học viện. Bộ môn phải có từ 05 giảng viên cơ hữu trở lên.

2. Nhiệm vụ của Bộ môn

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của các môn học do bộ môn phụ trách trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Học viện và của khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến các môn học được trưởng khoa và Giám đốc Học viện giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập đối với người học theo quy định của Học viện;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của khoa và Học viện; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Học viện; thực hiện dịch vụ xã hội và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn của bộ môn;

e) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, viên chức thuộc lĩnh vực chuyên môn, thu hút và trọng dụng người có năng lực nghiên cứu khoa học vượt trội về bộ môn, khoa và Học viện;

f) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của bộ môn, của khoa, của Học viện theo yêu cầu của Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện, trưởng khoa;

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn được khoa và Học viện giao.

3. Trưởng và phó trưởng bộ môn

a) Đứng đầu bộ môn là trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ có thời hạn, cho thôi chức vụ trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa. Trưởng bộ môn phải là nhà giáo mẫu mực, nhà khoa học có uy tín, có bằng tiến sĩ, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên, có những đóng góp nổi trội về khoa học và công nghệ, về tài chính cho bộ môn, khoa và Học viện, thông thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn. Trưởng hợp đặc biệt có thể bổ nhiệm người có bằng thạc sĩ làm trưởng bộ môn. Nhiệm kỳ của trưởng bộ môn trùng với nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện và có thể được bổ nhiệm lại;

b) Giúp trưởng bộ môn có các phó trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của trưởng bộ môn và trưởng khoa, số lượng phó trưởng bộ môn không quá 02 người; các trưởng hợp đặc biệt khác do Giám đốc quyết định, nhưng phải có văn bản báo cáo Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng Học viện trước khi bổ nhiệm. Phó trưởng bộ môn phải là người có bằng thạc sĩ trở lên, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên; nhiệm kỳ của phó trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ Giám đốc Học viện;

c) Tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu và bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn do Giám đốc Học viện quy định. Hàng năm hoặc đột

xuất, Giám đốc Học viện tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của trưởng và phó trưởng bộ môn, tương tự như đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của trưởng và phó trưởng khoa theo quy định của Học viện.

Điều 26. Các đơn vị khác thuộc khoa

1. Các đơn vị khác thuộc khoa, gồm: Văn phòng, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, bệnh viện và tương đương, có nhiệm vụ phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hoặc dịch vụ. Được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa và theo quy định của Học viện.

2. Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc khoa không quá 02 người. Trong trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện có thể xem xét quyết định số lượng cấp phó là 03 người.

3. Tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng, phó các đơn vị thuộc khoa do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 27. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ương tạo công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong Học viện được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hợp tác trong và ngoài nước về các lĩnh vực có liên quan đến ngành/chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ của Học viện; được tổ chức thành các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện dưới các hình thức viện, trung tâm, công ty và có các nhiệm vụ sau:

a) Đơn vị nghiên cứu và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện, trung tâm nghiên cứu để triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, tham gia đào tạo đại học, sau đại học và dịch vụ xã hội; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được tổ chức theo hình thức doanh nghiệp hoặc trung tâm dịch vụ để triển khai các dịch vụ về cung cấp thông tin, tư vấn; phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; dịch vụ người học; dịch vụ cộng đồng và đáp ứng các nhu cầu xã hội khác;

c) Các đơn vị khác được tổ chức dưới hình thức trung tâm, viện để tổ chức triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ; tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc đào tạo ngắn hạn, cập nhật kiến thức cho các đối tượng có nhu cầu ở trong và ngoài Học viện; xúc tiến việc phát triển quan hệ trong và ngoài nước, kết nối với doanh nghiệp và cựu sinh viên; in ấn và xuất bản; các dịch vụ hỗ trợ người học;

d) Nâng cao vị thế, uy tín và tăng cường tiềm lực tài chính cho Học viện.

2. Các đơn vị quy định tại mục a), b), c) khoản 1 Điều này không có chức năng tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên, trừ đơn vị có đủ năng lực và uy tín khoa học được Giám đốc Học viện giao nhiệm vụ phối hợp tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ do Học viện cấp bằng hoặc được Giám đốc Học viện giao phụ trách điều phối và tổ chức các chương trình đào tạo liên kết trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các hình thức đào tạo khác với các tổ chức, trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước. Giám đốc Học viện quy định cụ thể trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị này.

3. Các đơn vị quy định tại mục a), b), c) khoản 1 Điều này được liên doanh, liên kết tổ chức các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện; có thể đề nghị Giám đốc Học viện cho phép sử dụng thương hiệu, tài sản, đất đai và các nguồn lực khác của Học viện để liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và theo quy định của Học viện; được tổ chức đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, đào tạo tin học, đào tạo kỹ năng mềm do Học viện cấp văn bằng hoặc chứng chỉ khi được sự đồng ý của Giám đốc Học viện.

4. Các đơn vị quy định tại mục a), b), c) khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo Quy định về quản lý viện, trung tâm và công ty.

5. Các đơn vị được hưởng các ưu đãi theo quy định của nhà nước về khoa học và công nghệ, được Học viện giao vốn, tài sản, đất đai và các nguồn lực khác để nghiên cứu phát triển công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Học viện.

6. Các đơn vị có trách nhiệm bảo vệ và nâng cao uy tín của Học viện.

7. Mỗi đơn vị nêu tại khoản 1 Điều này có 01 cấp trưởng và không quá 02 cấp phó. Nhiệm kỳ của cấp trưởng và cấp phó theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện. Tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng, phó các đơn vị nêu tại khoản 1 Điều này do Giám đốc Học viện ban hành; Giám đốc có thể mời/thuê người trong và quá tuổi lao động, trong và ngoài nước làm trưởng các đơn vị này. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị này do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 28. Thư viện, trang thông tin điện tử, tạp chí khoa học công nghệ và nhà xuất bản

1. Các đơn vị này có nhiệm vụ quản lý, giữ gìn, quảng bá và nâng cao thương hiệu, uy tín của Học viện; nghiêm cấm việc đưa các thông tin sai sự thật, các thông tin chưa được kiểm chứng, các thông tin làm phương hại đến uy tín của Học viện, đến an ninh chính trị nội bộ, đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; nghiêm cấm vi phạm bản quyền, đạo văn và vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực xuất bản.

2. Thư viện của Học viện có nhiệm vụ cung cấp các thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên, viên chức, người lao động và người học; lưu trữ bản gốc các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại Học viện, các kết quả nghiên cứu khoa học, các ấn phẩm khác của Học viện. Thư viện hoạt động theo quy chế/quy định do Giám đốc Học viện ban hành, không ngừng đổi mới và đảm nhiệm việc quảng bá, nâng cao vị thế của Học viện ở trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật về thư viện, pháp luật về lưu trữ và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trang thông tin điện tử có nhiệm vụ đăng tải thông tin liên quan đến các hoạt động của Học viện, đảm bảo các thông tin tối thiểu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông. Trang thông tin điện tử có ban biên tập chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và quản trị hệ thống; quy chế hoạt động và cung cấp thông tin do Giám đốc Học viện ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, quản lý thông tin trên mạng internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Tạp chí, tập san của Học viện đăng tải các công trình nghiên cứu nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội của Học viện, có ban biên tập và ban trị sự. Tạp chí, tập san có thể được xuất bản theo bản in hay bản điện tử hoặc cả hai, bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định hiện hành về xuất bản. Trưởng ban biên tập hoặc tổng biên tập phải chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng khoa học của tạp chí. Quy trình phản biện và điều kiện đăng bài, quy chế hoạt động của tạp chí do Giám đốc Học viện ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Học viện có Nhà xuất bản; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà xuất bản do Giám đốc Học viện quyết định.

Điều 29. Phân hiệu

1. Phân hiệu của Học viện thuộc cơ cấu tổ chức của Học viện, không có tư cách pháp nhân, đóng ở tỉnh, thành phố khác (không đóng ở thành phố Hà Nội), chịu sự quản lý về mặt tổ chức và quản lý của Học viện, chịu sự quản lý về mặt lãnh thổ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành nơi đặt phân hiệu.

2. Phân hiệu của Học viện thực hiện các nhiệm vụ theo sự điều hành của Giám đốc Học viện, báo cáo với Giám đốc Học viện về các hoạt động của phân hiệu, báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành nơi đặt phân hiệu về các hoạt động liên quan đến thẩm quyền quản lý của địa phương.

3. Phân hiệu của Học viện do Giám đốc Học viện thành lập trên cơ sở quyết định của Hội đồng Học viện khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

4. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của phân hiệu do Giám đốc Học viện quyết định.

5. Phân hiệu của Học viện có giám đốc, tối đa 02 phó giám đốc và các đơn vị phục vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của phân hiệu. Tiêu chuẩn của giám đốc phân hiệu tương đương tiêu chuẩn Phó Giám đốc Học viện phụ trách đào tạo; tiêu chuẩn của phó giám đốc phân hiệu tương đương tiêu chuẩn trưởng khoa. Nhiệm kỳ của Giám đốc, Phó Giám đốc phân hiệu theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện

6. Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm giám đốc và phó giám đốc phân hiệu theo quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm của Học viện.

Điều 30. Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Học viện, được thành lập theo quy định của pháp luật, để thực hiện các giao dịch phục vụ cho các hoạt động của Học viện.

2. Văn phòng đại diện của Học viện chịu sự quản lý điều hành của Học viện; chịu sự quản lý hành chính về lãnh thổ của chính quyền địa phương.

3. Thủ tục thành lập Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

4. Học viện được mở Văn phòng đại diện ở nước ngoài và cho phép các tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Học viện, phù hợp với lợi ích của hai bên, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Mục 6

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO, HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

Điều 31. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Giám đốc Học viện về việc xây dựng quy chế, quy định, quy trình về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm; Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện; Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ và một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- a) Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo;
- b) Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế;
- c) Thẩm định chương trình đào tạo;
- d) Duyệt danh sách giáo trình và thẩm định chất lượng giáo trình;
- e) Duyệt danh sách mời các thành viên hội đồng bảo vệ luận án Tiến sỹ;
- f) Xem xét công nhận chuyên đổi tín chỉ;

g) Thẩm định kế hoạch hợp tác với cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức và cá nhân ở trong nước, nước ngoài để triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, khoa học và công nghệ;

h) Đề xuất danh sách thành viên hội đồng chức danh giáo sư cơ sở; tham gia hội đồng bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; đề xuất tiêu chuẩn, điều kiện và danh sách các cá nhân được Học viện xem xét, trao tặng danh hiệu giáo sư danh dự, tiến sĩ danh dự;

i) Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng Học viện;

j) Đề xuất các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

k) Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra;

l) Đánh giá giảng viên, đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san khoa học công nghệ, đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong Học viện;

m) Xét công nhận cấp bằng tiến sĩ.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo có Chủ tịch, Thư ký và các thành viên; có số lượng thành viên là số lẻ từ 11 đến 25 thành viên, bao gồm: Giám đốc Học viện, các Phó Giám đốc Học viện; Trưởng khoa, Trưởng một số Ban; đại diện giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ; một số đại diện là các nhà khoa học có liên quan đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện, nhưng không phải là giảng viên cơ hữu hoặc viên chức quản lý cơ hữu của Học viện (nếu cần).

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện.

4. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo do Giám đốc Học viện giới thiệu trong số các giáo sư là thành viên của Hội đồng, có uy tín cao, có nhiều đóng góp về khoa học và công nghệ tương đương Giám đốc Học viện, được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý.

Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở; Chủ tịch Hội đồng thẩm định sách phục vụ đào tạo; thành viên của Hội đồng thẩm định luận án tiến sĩ trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tại Hội đồng cấp Học viện.

Học viện có thể mời nhà khoa học có uy tín chuyên môn và uy tín xã hội cao trong độ tuổi và quá tuổi lao động, trong và ngoài nước, không phải là viên chức cơ hữu của Học viện làm Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo; điều kiện và tiêu chuẩn cụ thể do Giám đốc Học viện quyết định.

5. Chủ tịch Hội đồng chỉ định Thư ký Hội đồng trong số các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng điều hành Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này.

6. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ít nhất 01 lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đồng ý. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên Giám đốc Học viện trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

Số lượng cụ thể về thành viên, tỷ lệ các thành phần và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 32. Các Hội đồng tư vấn và Ban công tác

1. Giám đốc Học viện quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn, Ban công tác khác để tư vấn cho Giám đốc Học viện tổ chức triển khai thực hiện các vấn đề cơ bản, quan trọng về công tác bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động khác của Học viện.

2. Căn cứ các quy định hiện hành, Giám đốc Học viện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên trong Hội đồng tư vấn, Ban công tác theo nhiệm kỳ Giám đốc Học viện. Hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban công tác theo nhiệm vụ được Giám đốc Học viện phân công và theo các quy định hiện hành.

Mục 7

CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI

Điều 33. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Đảng bộ Học viện Nông nghiệp Việt Nam là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối các trường đại học, cao đẳng Thành phố Hà Nội; có vai trò là hạt nhân chính trị lãnh đạo Học viện thực hiện hiệu quả các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác của Học viện.

2. Đảng bộ Học viện hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của Đảng ủy cấp trên và Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ Học viện; có nhiệm vụ xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

3. Ban chấp hành Đảng bộ (Đảng ủy) Học viện là tổ chức Đảng đại diện cho Đảng bộ Học viện giữa hai kỳ Đại hội, lãnh đạo toàn diện Đảng bộ và Học viện, có trách nhiệm ban hành và lãnh đạo Học viên theo các nghị quyết về các mặt công tác của Học viện.

4. Về công tác cán bộ, hằng năm Đảng ủy Học viện tiến hành quy hoạch các chức vụ quản lý, làm cơ sở cho công tác lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm viên chức quản lý của Học viện.

5. Quan hệ công tác giữa Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng Học viện và Giám đốc Học viện thực hiện theo quy định do Đảng ủy ban hành.

Điều 34. Các đoàn thể và tổ chức xã hội

Các Đoàn thể và tổ chức xã hội, gồm: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức xã hội; chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy và có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Học viện.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN CỦA VIÊN CHỨC

Viên chức của Học viện bao gồm: giảng viên, nghiên cứu viên, kỹ sư, chuyên viên và tương đương, kỹ thuật viên và tương đương, nhân viên, chuyên gia và người lao động khác ký hợp đồng lao động với Học viện

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền của viên chức

1. Thực hiện nhiệm vụ của viên chức, người lao động theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Viên chức, Bộ Luật lao động và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các quy chế, nội quy, quy định của Học viện.

3. Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và các công tác được Học viện và đơn vị giao.

4. Có trách nhiệm đề xuất các ý tưởng đổi mới sáng tạo, các ý kiến về việc cải tiến quản lý, cải tiến công tác chuyên môn nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý của Học viện; tham gia xây dựng các quy định, quy chế, quy trình và giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế này và các quy chế, quy định khác của Học viện. Tham gia đánh giá kết quả hoạt động của Học viện và của đơn vị nơi công tác theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định của Học viện.

5. Có trách nhiệm bảo vệ và nâng cao thương hiệu, uy tín và danh dự của Học viện; Viên chức có quyền sử dụng thương hiệu, tên Học viện cho các mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài Học viện, nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Học viện, phải có trách nhiệm đóng góp tài chính cho Học viện theo các quy định hiện hành. Viên chức có hành vi làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Học viện, tùy theo mức độ nặng nhẹ phải chịu các hình thức kỷ luật tương ứng từ khiển trách đến buộc thôi việc; viên chức có các hành vi vi

phạm pháp luật vượt ra ngoài phạm vi điều chỉnh của Học viện, do các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Viên chức phải đền bù, bồi thường về các thiệt hại (hữu hình và vô hình) do cá nhân mình gây ra cho Học viện theo quy định do Giám đốc Học viện ban hành.

7. Viên chức của Học viện nếu chuyển công tác ra ngoài Học viện, tự ý thôi việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc với Học viện, không thực hiện đúng theo cam kết đối với Học viện, có trách nhiệm bồi hoàn/đền bù: (i) kính phí đào tạo, bồi dưỡng do Học viện và Nhà nước đã chi trả; (ii) Tiền lương thu nhập tăng thêm và các khoản phúc lợi Học viện đã chi trả cho viên chức trong thời gian đi học và thời gian làm việc tại Học viện; (iii) chi phí do người khác làm thay công việc để viên chức đi học; (iv) chi phí cho bảo hiểm bắt buộc mà Học viện đã đóng cho viên chức trong thời gian đi học (áp dụng đối với viên chức trong thời gian đi học được hưởng 40% lương) và cho thời gian viên chức làm việc tại Học viện; (v) chi phí chi trả cho người hướng dẫn tập sự và chi trả cho người làm thay công việc trong thời gian viên chức đi đào tạo; (vi) chi phí cho việc tuyển dụng người thay thế và chi phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức tuyển mới đạt đến trình độ tương đương với viên chức chuyển công tác; (vii) các khoản chi khác có liên quan, nếu có.

Trách nhiệm đền bù có thể được xem xét giảm trừ, phụ thuộc vào đóng góp thực tế của viên chức cho sự phát triển của Học viện. Mức độ giảm trừ cụ thể với từng trường hợp do Giám đốc Học viện quy định.

8. Viên chức sau khi chuyển công tác và sau khi nghỉ hưu có trách nhiệm phải bảo vệ bản quyền các tài liệu, công nghệ và các bản quyền trí tuệ khác thuộc về quyền sở hữu của Học viện; Người giữ quyền tác giả của các tài liệu, phát minh, sáng chế này chỉ được phép chuyển giao cho các cá nhân và tổ chức khác khi được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Học viện.

9. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật, được tạo các điều kiện cần thiết phù hợp với khả năng của Học viện và được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị và trình độ ngoại ngữ, tin học.

10. Được đánh giá, xếp loại hàng tháng, hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; được xem xét đề nghị thi đua, khen thưởng theo quy định; được hưởng quyền lợi khác do Học viện quy định và có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 36. Quản lý viên chức

1. Giám đốc Học viện quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn cũng như điều kiện tuyển dụng, thăng hạng, khen thưởng, vinh danh, thay đổi vị trí việc làm, đình chỉ công tác, đình chỉ chức vụ có thời hạn, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng đối với viên chức theo quy định của pháp luật và của Học viện.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc có thể tuyển dụng viên chức theo chế độ đặc cách để đảm nhận các nhiệm vụ về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác phục vụ cho các mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn. Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng và chế độ đãi ngộ cho các vị trí tuyển dụng này do Giám đốc Học viện quy định, đảm bảo minh bạch, khách quan.

2. Viên chức của Học viện và các cá nhân không phải là viên chức Học viện nhưng đã có những đóng góp đặc biệt xuất sắc cho Học viện (như nhận giải thưởng quốc tế có uy tín cao; có công lớn trong xây dựng, đầu tư cho Học viện; có những quyết định mang tính đột phá trong việc nâng cao vị thế, uy tín của Học viện trong xã hội, trong việc thay đổi căn bản thể chế, nâng Học viện lên tầm phát triển mới) sẽ được Học viện vinh danh thông qua các hình thức: đặt tượng, đặt tên cho các công trình công cộng (toà nhà, quảng trường, thư viện, đường đi). Giám đốc Học viện có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình cho các hình thức tôn vinh này.

3. Chế độ phúc lợi, điều kiện làm việc, phương tiện đi lại, tiền lương, tiền thưởng của viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và thành viên Hội đồng Học viện được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định có liên quan khác của Học viện; trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện đề nghị Hội đồng Học viện xem xét, quyết định.

Mục 1

GIẢNG VIÊN

Điều 37. Tiêu chuẩn của giảng viên

Chức danh giảng viên bao gồm: Trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư và giáo sư.

1. Tiêu chuẩn chung

- a) Có thân nhân rõ ràng, có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- b) Có bằng từ thạc sĩ trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ;
- c) Có trình độ tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn về nghe, nói, đọc, viết đủ để làm việc với các chuyên gia nước ngoài có cùng chuyên môn; trình độ tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- d) Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp;
- e) Đáp ứng các tiêu chuẩn đặc thù nghề nghiệp do Giám đốc Học viện quy định cụ thể đối với từng lĩnh vực chuyên môn.

2. Tiêu chuẩn cụ thể của giảng viên do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

1. Nhiệm vụ của giảng viên

- a) Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của Học viện;
- b) Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, bài giảng theo phân công của bộ môn; hoàn thành đủ số giờ giảng dạy, bảo đảm chất lượng đào tạo;
- c) Luôn tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, ngoại ngữ và tin học, kiến thức xã hội; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- d) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của người giảng viên; luôn là tấm gương sáng về đạo đức, trí tuệ và thành tựu khoa học và công nghệ cho người học;
- e) Tôn trọng nhân cách của người học, của đồng nghiệp và của các đối tác; đối xử công bằng với đồng nghiệp, với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của đồng nghiệp và của người học;
- f) Tham gia quản lý và giám sát Học viện, tham gia công tác đảng, đoàn thể và các công tác khác;
- g) Thực hiện chế độ làm việc đối với giảng viên do Học viện quy định. Riêng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thực hiện theo định mức hoạt động khoa học và công nghệ cho từng chức danh giảng viên do Giám đốc Học viện ban hành, trong đó tối thiểu 01 năm giảng viên phải có ít nhất 0,3 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus.

2. Quyền của giảng viên

- a) Độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước, của nhân dân và của Học viện;
- b) Được ký hợp đồng thỉnh giảng, hợp tác nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật và của Học viện khi hoàn thành nhiệm vụ được Học viện và đơn vị giao; phải được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Học viện và phải có báo cáo kết quả về các hoạt động này sau khi thực hiện xong (chậm nhất là 05 ngày làm việc);
- c) Được bổ nhiệm theo các chức danh của giảng viên, được đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng, tôn vinh theo quy định của pháp luật và của Học viện;
- d) Được cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đáp ứng đủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện;

e) Được nghỉ hè theo quy định;

f) Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc theo khả năng của Học viện để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

g) Được hưởng lương, thu nhập tăng thêm, phụ cấp, trợ cấp và các phúc lợi khác theo quy định của nhà nước và theo quy định của Học viện.

Giảng viên được nhận đủ tiền lương, thu nhập tăng thêm, phụ cấp, trợ cấp và các phúc lợi khác khi thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của giảng viên theo quy của Học viện.

Thu nhập tăng thêm được xác định theo mức đóng góp thực tế của giảng viên (không phụ thuộc vào chức danh, trình độ và thâm niên công tác) đối với sự phát triển của Học viện và được điều chỉnh theo từng học kỳ, năm học hoặc năm tài chính.

h) Được chuyển từ giờ giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học và ngược lại theo tỷ lệ quy đổi 1:1 để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Giám đốc Học viện quy định cụ thể việc quy đổi này;

i) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học theo kế hoạch và điều kiện của Học viện; được tham gia vào việc quản lý và quản trị Học viện; được tham gia các hoạt động xã hội theo quy định của pháp luật và của Học viện;

j) Tham gia quản lý người học và đóng góp trách nhiệm với cộng đồng;

k) Giảng viên có chức danh phó giáo sư được hưởng thang, bậc lương tương ứng ngạch chuyên viên cao cấp; Giảng viên có chức danh giáo sư được hưởng thang, bậc lương tương đương chuyên gia cao cấp. Thang, bậc lương này được dùng để tính đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định;

l) Giảng viên có bằng tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định khi cá nhân có đủ sức khỏe, tự nguyện và Học viện, đơn vị có nhu cầu để làm công tác chuyên môn và tham gia công tác quản lý và quản trị Học viện nếu có khả năng có những đóng góp vượt trội cho sự phát triển của Học viện;

m) Giảng viên có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và phát triển, hoàn thiện công nghệ (có nhiều bài báo công bố quốc tế trên ISI/Scopus, có nhiều sản phẩm được thương mại hóa,...) được ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sắp xếp, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; được hưởng các chế độ ưu đãi của Học viện về thu nhập, thi đua, khen thưởng và được vinh danh; ưu tiên đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo.

3. Hàng năm, Giám đốc Học viện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên.

Giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ do Giám đốc Học viện giao trong năm học thì năm học đó sẽ không được xem xét thi đua, khen thưởng, nâng bậc lương trước thời hạn và kéo dài thời gian làm việc.

Trong 04 học kỳ liên tiếp (02 năm), nếu giảng viên được đánh giá, xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, Giám đốc Học viện sẽ xem xét, quyết định việc cho thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc.

Học viện chỉ đưa vào diện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm đối với các giảng viên luôn tiên phong đi đầu trong việc hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, có những đóng góp vượt trội, cam kết gắn bó lâu dài và phụng sự Sứ mạng, Mục tiêu và các Giá trị cốt lõi của Học viện.

Điều 39. Tuyển dụng và tập sự đối với giảng viên

Giảng viên của Học viện được tuyển dụng, tập sự theo Quy định về tuyển dụng viên chức do Giám đốc Học viện ban hành; ưu tiên tuyển dụng các ứng viên có bằng tiến sĩ, có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus, có nhiều sản phẩm công nghệ đã được thương mại hóa, có năng lực tổ chức nghiên cứu, cam kết làm việc và cống hiến lâu dài cho Học viện.

Giảng viên tập sự phải nắm vững nội dung học thuật, nội dung giáo trình, bài giảng của môn học sẽ tham gia giảng dạy, phương pháp giảng dạy; đồng thời phải nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, thiết kế thí nghiệm, xây dựng đề cương nghiên cứu, phân tích số liệu nghiên cứu, viết bài báo khoa học; trực tiếp làm việc và học tập tại một bộ môn và một đơn vị nghiên cứu của Học viện.

Điều 40. Giảng viên thỉnh giảng

1. Người đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện, được mời đến giảng dạy tại Học viện là giảng viên thỉnh giảng, bao gồm cả giáo sư thỉnh giảng. Nhiệm vụ và quyền, trình tự và thủ tục mời giảng viên thỉnh giảng được thực hiện theo Quy định về chế độ thỉnh giảng do Giám đốc Học viện ban hành.

2. Giảng viên thỉnh giảng phải thực hiện các nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung và quy định của Học viện.

3. Học viện khuyến khích việc mời nhà giáo, nhà khoa học trong nước, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài, trong và quá tuổi lao động, đến giảng dạy theo chế độ thỉnh giảng. Các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội này không nhất thiết phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ ngoại ngữ và các chứng chỉ khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng phải được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện chấp thuận.

Điều 41. Trợ giảng

1. Trợ giảng là người giúp việc cho giảng viên trong việc chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành và chấm bài.

2. Trợ giảng bao gồm: giảng viên đang tập sự, nghiên cứu sinh, học viên đang học tập, nghiên cứu ở bộ môn và các sinh viên giỏi năm cuối khoá, các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, kinh doanh, dịch vụ trong và ngoài Học viện có thể tham gia làm trợ giảng trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan.

3. Việc quyết định chức danh trợ giảng, nhiệm vụ, quyền và chế độ phụ cấp của trợ giảng do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 42. Phong tặng tiến sĩ danh dự, giáo sư danh dự

Phong tặng tiến sĩ danh dự, giáo sư danh dự cho người nước ngoài, người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài có những đóng góp cho Học viện do Giám đốc Học viện quy định.

Mục 2

NGHIÊN CỨU VIÊN, KỸ SƯ

Điều 43. Nghiên cứu viên, kỹ sư

1. Nghiên cứu viên, kỹ sư là người hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, có trình độ đại học trở lên, được tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc/hợp đồng lao động với Học viện; có khả năng chủ trì hoặc tham gia việc xây dựng/đề xuất các đề tài, dự án; có khả năng tổ chức nhóm nghiên cứu và trực tiếp nghiên cứu, điều hành và phối hợp công việc, nắm bắt được xu hướng phát triển khoa học và công nghệ trong nước và trên thế giới.

2. Nhóm chức danh nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu viên cao cấp, tương đương viên chức Hạng I; Nghiên cứu viên chính, tương đương viên chức Hạng II; Nghiên cứu viên, tương đương viên chức Hạng III; Trợ lý nghiên cứu, tương đương viên chức Hạng IV.

3. Nhóm chức danh công nghệ: Kỹ sư cao cấp, tương đương viên chức Hạng I; Kỹ sư chính, tương đương viên chức Hạng II; Kỹ sư, tương đương viên chức Hạng III; Kỹ thuật viên, tương đương viên chức Hạng IV.

Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của nghiên cứu viên, kỹ sư được thực hiện theo quy định hiện hành và do Giám đốc Học viện quy định.

2. Nghiên cứu viên, kỹ sư có thể tham gia giảng dạy thực hành, thực tập; hướng dẫn khóa luận, chuyên đề, đồ án luận văn theo quy định.

Mục 3

CHUYÊN GIA

Điều 45. Khái niệm về chuyên gia

1. Chuyên gia là những nhà khoa học, giảng viên đại học có kiến thức uyên thâm về lý luận, sâu sắc về thực tiễn của một lĩnh vực khoa học và công nghệ chuyên sâu nào đó; trên thực tế đã có những đóng góp vượt trội cho lĩnh vực khoa học và công nghệ đó được các nhà khoa học cùng chuyên môn thừa nhận.

2. Một trong những đặc điểm quan trọng để phân biệt chuyên gia với chuyên viên thông thường là:

- a) Có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp vượt trội so với đồng nghiệp;
- b) Tinh thông nghiệp vụ, am tường về lý luận và thực tiễn công việc đang làm;
- c) Có thể được các tổ chức có thẩm quyền thừa nhận hoặc công nhận bằng văn bản;
- d) Có khả năng tư vấn thông thạo và khả tin trên một số lĩnh vực cụ thể;
- e) Có hiệu quả công việc cao.

Điều 46. Tuyển dụng, chế độ đối với chuyên gia

1. Tùy theo năng lực và phẩm chất của chuyên gia, Giám đốc Học viện có thể mời tham gia trực tiếp hay gián tiếp (thông qua việc cho ý kiến, tham vấn) vào một số công việc hay lĩnh vực cụ thể Học viện có nhu cầu.

2. Giám đốc Học viện ký hợp đồng lao động với các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, trong và quá tuổi lao động, để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển/hoàn thiện các công nghệ có tiềm năng, và các nhiệm vụ khoa học và dịch vụ xã hội khác do Giám đốc Học viện giao. Việc ký hợp đồng lao động đối với các chuyên gia không theo trình tự, thủ tục về quy trình tuyển dụng hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể trong việc ký kết hợp đồng với chuyên gia, tiền lương (không nhất thiết theo thang bảng lương do Nhà nước quy định), tiền thưởng và chế độ đãi ngộ khác (phúc lợi, điều kiện làm việc, phương tiện đi lại) do Giám đốc Học viện quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của Học viện.

Mục 4

VIÊN CHỨC KHÁC

Điều 47. Các viên chức khác

1. Viên chức khác của Học viện (trừ các đối tượng nêu tại Mục 1, Mục 2, Mục 3 Chương III của Quy chế này), gồm: chuyên viên, kế toán viên, thư viện

viên, biên tập viên, bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, cán sự... và nhân viên khác. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức, người lao động và từng vị trí việc làm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Học viện.

2. Viên chức đảm nhận vị trí việc làm về hợp tác quốc tế, khoa học và công nghệ, đào tạo sau đại học, đảm bảo chất lượng phải thông thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn của vị trí việc làm đảm nhận. Mức độ thông thạo tiếng Anh do Giám đốc Học viện quy định.

3. Lao động hợp đồng do các đơn vị (viện, trung tâm, công ty...) tự tuyển dụng sẽ do đơn vị tự trả tiền lương theo quy định của Nhà nước, quy định của đơn vị.

Điều 48. Trợ lý khoa, văn thư khoa

1. Viên chức đảm nhận vị trí việc làm trợ lý khoa là người giúp trưởng khoa trong công tác tổ chức cán bộ, văn thư, thiết bị, vật tư, công nghệ thông tin, quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế.

Trợ lý về khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế phải có bằng đại học hệ chính dài hạn và có bằng thạc sĩ trở lên, thông thạo tiếng Anh chuyên môn, được hưởng mức lương và thu nhập tăng thêm cao hơn các trợ lý khác có cùng chức danh/ngạch, bậc và thâm niên công tác.

2. Viên chức đảm nhận vị trí việc làm văn thư khoa là người giúp trưởng khoa thực hiện các công việc hành chính.

3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn của các vị trí việc làm nêu tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này do Giám đốc Học viện quy định.

4. Hàng năm, Ban Tổ chức cán bộ phối hợp với Văn phòng Học viện, trưởng khoa và đại diện các đơn vị liên quan, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả công tác của các viên chức này. Trong 02 năm liên tục, nếu được đánh giá, xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ sẽ phải chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc thay đổi chức danh nghề nghiệp hoặc thay đổi vị trí việc làm.

Chương IV NGƯỜI HỌC

Điều 49. Người học

1. Người học bao gồm sinh viên của các chương trình đào tạo từ trung cấp đến đại học; học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ; cán bộ nghiên cứu sau tiến sĩ (post doctor); học viên bồi dưỡng ngắn hạn, thực hành, thực tập của Học viện.

2. Người học là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đủ tiêu chuẩn quy định theo các quy chế tuyển sinh hiện hành được tuyển vào các lớp học, khóa học thuộc các hệ và hình thức đào tạo của Học viện.

Điều 50. Nhiệm vụ của người học

1. Thực hiện nhiệm vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Người học là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật và tôn trọng phong tục tập quán, các giá trị văn hóa, đạo đức, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam.

2. Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định.

3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Học viện; đoàn kết giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

4. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của Học viện; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Học viện, giá trị thương hiệu của Học viện, giữ gìn văn hoá công sở, vệ sinh môi trường của Học viện.

6. Nộp học phí và lệ phí theo quy định; chịu trách nhiệm đền bù các thiệt hại do mình gây ra cho Học viện.

7. Thực hiện các quy chế về đào tạo, công tác sinh viên và các quy định của pháp luật có liên quan đến người học; thực hiện quy chế, nội quy của Học viện.

Điều 51. Quyền của người học

1. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; được định hướng nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ thông tin về học tập và rèn luyện.

2. Được bảo đảm điều kiện học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp, hoạt động rèn luyện kỹ năng hoàn thiện bản thân, tham gia hoạt động đoàn thể, hoạt động vì cộng đồng và hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao phù hợp với điều kiện thực tế của Học viện.

3. Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

4. Được hưởng chính sách đối với người học, được hưởng ưu tiên và chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

5. Người học được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tốt nghiệp thì phải bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định.

6. Người học đạt thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học và có đạo đức tốt được hưởng các điều kiện ưu tiên trong học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của Học viện.

7. Được cấp văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp hoặc hoàn thành khóa học.

8. Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao của Học viện.

9. Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với Học viện các giải pháp góp phần xây dựng Học viện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học và của Học viện.

10. Quyền hạn khác được thực hiện theo quy định của Học viện và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương V

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 52. Trình độ và chất lượng đào tạo

1. Học viện đào tạo các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ (post doctor) và bồi dưỡng ngắn hạn.

2. Chất lượng đào tạo của Học viện đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động trong nước, khu vực Đông nam Á và các đối tác liên kết nước ngoài khác, tiến tới đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động quốc tế.

Điều 53. Mở ngành, chuyên ngành đào tạo

1. Điều kiện để mở ngành/chuyên ngành đào tạo:

a) Ngành/chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước, của từng lĩnh vực, bảo đảm hội nhập quốc tế.

b) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu;

c) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu;

d) Có chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 56 của Quy chế này.

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện có nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định; tổ chức cập nhật, điều chỉnh chương trình, nhập khẩu chương trình đào tạo của đơn vị theo quy định của Học viện.

3. Trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo do Giám đốc Học viện quyết định theo quyết định của Hội đồng Học viện.

Điều 54. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định theo ngành, nhóm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu lao động của thị trường lao động, yêu cầu phát triển kinh tế -

xã hội và phù hợp với các điều kiện về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của Học viện và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác.

b) Học viện tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh; công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp; bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

c) Học viện tiếp nhận các sinh viên từ các trường đại học trong và ngoài nước đến học tập tại Học viện; Hội đồng Khoa học và Đào tạo quyết định các học phần tương đương, các học phần bổ sung; Giám đốc Học viện quy định tiêu chuẩn và điều kiện tiếp nhận sinh viên.

2. Tổ chức tuyển sinh

a) Phương thức tuyển sinh (các bậc đào tạo) gồm: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

b) Học viện tự chủ quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh.

3. Hàng năm, căn cứ vào năng lực của Học viện, nhu cầu nhân lực của xã hội và định hướng đào tạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Chính phủ, Học viện xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định hiện hành.

Điều 55. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo. Số lượng tín chỉ cần tích lũy đối với mỗi trình độ được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Giám đốc Học viện quyết định: số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật; công nhận các tín chỉ tương đương, chương trình đào tạo tương đương với các trường đại học trong và ngoài nước.

3. Quyết định việc cử người học các hệ và các chương trình đào tạo ở trong nước, đi học tập, nghiên cứu dài hạn và ngắn hạn ở các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học khác ở trong và ngoài nước; nhận người học là người trong và ngoài nước đến học tập, nghiên cứu tại Học viện.

Điều 56. Chương trình đào tạo, giáo trình

1. Chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, bao gồm các loại chương trình định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng, định hướng

ngành nghiệp; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ, ngành đào tạo; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình đào tạo;

c) Học viện được sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Học viện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo;

e) Chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên có nội dung như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy;

f) Giám đốc Học viện ban hành quy định về trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quyết định của Hội đồng Học viện;

g) Giám đốc Học viện quy định các môn học, số tín chỉ, công nhận tương đương với các chương trình đào tạo, ngành học của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước khác.

2. Giáo trình

a) Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt, nhập khẩu giáo trình các môn học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu chính thức trong Học viện trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Giám đốc Học viện thành lập để đảm bảo có đủ giáo trình giảng dạy, học tập; Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm vụ duyệt và trình Giám đốc danh sách giáo trình xuất bản hàng năm; xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện về nội dung và phương pháp dạy và học, phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học.

b) Thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ và bản quyền trong sử dụng giáo trình và công bố công trình nghiên cứu khoa học;

c) Giám đốc Học viện ban hành quy định về việc tổ chức biên soạn và lựa chọn giáo trình theo quyết định của Hội đồng Học viện.

3. Khuyến khích đổi mới và xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học trên cơ sở tham chiếu các trường đại học tiên tiến trên thế giới và ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Điều 57. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Học viện tổ chức và quản lý đào tạo theo tín chỉ, niên chế hoặc kết hợp tín chỉ và niên chế tại Học viện và tại các cơ sở khác ngoài Học viện.

2. Được liên kết đào tạo, bao gồm cả tuyển sinh, các trình độ từ trung cấp đến tiến sĩ và sau tiến sĩ với các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, nếu các cơ sở đào tạo này đảm bảo đủ điều kiện đào tạo do Học viện thẩm định, trên tinh thần đảm bảo chất lượng đào tạo tương đương với đào tạo tại cơ sở chính của Học viện.

3. Giám đốc Học viện ban hành quy định/quy chế đào tạo phù hợp với điều kiện của Học viện và phù hợp với các hình thức đào tạo trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Điều 58. Văn bằng, chứng chỉ

1. Được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, chứng nhận chương trình đào tạo sau tiến sĩ, và các chứng chỉ cho người học tại Học viện, tại các phân hiệu và các cơ sở liên kết đào tạo với Học viện.

2. Được thiết kế, in phôi bằng, quản lý, cấp, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ (trừ chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh).

3. Học viện công bố công khai các thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của Học viện và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng, chứng chỉ do Học viện cấp.

4. Giám đốc Học viện ban hành quy định về quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 59. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

1. Quyết định hoạt động nghiên cứu khoa học; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học và công nghệ, tổ chức hội thảo với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thành lập các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, chủ động hợp tác và liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Học viện.

2. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3. Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm và các phòng thí nghiệm chuyên sâu, phòng thí nghiệm chỉ định, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn iso, các cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, các vườn ươm công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ (spin-off), trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn kết giữa nghiên cứu phát triển và hoàn thiện công nghệ tạo ra các sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa cao.

4. Xây dựng nhà xưởng, nhà máy và tổ chức sản xuất nhằm thương mại hóa các sản phẩm và công nghệ của Học viện, tăng nguồn thu, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, gắn kết Học viện với xã hội.

5. Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng.

6. Nghiên cứu và cung cấp các giải pháp về công nghệ, thiết bị; cây, con giống, tiến bộ kỹ thuật có chất lượng cao phục vụ xã hội nói chung và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng.

7. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cho công chức, viên chức, người lao động và người học.

8. Hình thành các nhóm nghiên cứu khoa học theo từng lĩnh vực khoa học và công nghệ, bao gồm cả các nhóm nghiên cứu liên ngành, đa ngành, các nhóm nghiên cứu cơ bản, cơ sở, các nhóm nghiên cứu ứng dụng, các nhóm nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu khoa học giáo dục, nhằm tạo ra công nghệ mới, tri thức và sản phẩm mới và đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành có uy tín trong và ngoài nước, đóng góp thiết thực và hiệu quả vào sự phát triển của Học viện, của ngành, của đất nước.

9. Tham gia đề xuất, tuyển chọn, tư vấn, phản biện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định hiện hành.

10. Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm theo các nhóm nghiên cứu.

11. Thiết lập các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ.

12. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ; trao đổi thông tin khoa học và công nghệ với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước.

13. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp, các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ được nhà nước đặt hàng.

Điều 60. Tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, các hoạt động gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo. Ban hành quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, và tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý về hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện.

2. Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ, xây dựng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Học viện; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

3. Khen thưởng và vinh danh viên chức quản lý, giảng viên, viên chức khác, người lao động và người học có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc hoặc có đóng góp nổi bật cho các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện theo quy định về quản lý khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện.

5. Xây dựng hệ thống thông tin, thư viện và cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện.

6. Trên cơ sở kinh phí Nhà nước giao, Học viện được tự chủ và tự chịu trách nhiệm về việc xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ, tổ chức nghiên cứu và hoàn trả bằng các sản phẩm khoa học và công nghệ theo yêu cầu của Nhà nước hoặc theo đăng ký/cam kết của Học viện.

7. Tổ chức xét duyệt các đề tài/ý tưởng mới và cấp kinh phí nghiên cứu cho các đề tài/ý tưởng mới quanh năm, không bị giới hạn về thời gian duyệt kế hoạch.

8. Học viện được trực tiếp lập dự án xin vốn đầu tư, kinh phí nghiên cứu từ các nguồn vốn ngoài Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chủ động ký kết các thỏa thuận hợp tác về khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; được trình trực tiếp các văn bản liên quan đến các cơ quan/tổ chức, bộ/ngành tài trợ và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Học viện cam kết các kết quả của đề tài/dự án do Học viện đề xuất và hợp tác không trùng với các kết quả nghiên cứu đã được công bố.

9. Đề xuất đặt hàng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia trực tiếp với Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua các bộ/ngành và các tỉnh thành để đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đề xuất của Học viện.

10. Được dùng đất đai, tài sản, công trình xây dựng, giá trị thương hiệu của Học viện để liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước trong các hoạt động khoa học - công nghệ.

11. Được thương mại hóa các sản phẩm khoa học - công nghệ theo quy định của pháp luật; trong giai đoạn thử nghiệm để tiến tới sản phẩm hoàn chỉnh, có thể được thu một phần chi phí để bù đắp chi phí cho quá trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa sản phẩm.

12. Sản phẩm khoa học và công nghệ của viên chức và người học của Học viện hoặc nhận kinh phí nghiên cứu của Học viện là sản phẩm mang thương hiệu Học viện, do Học viện giữ quyền sở hữu; tác giả, nhóm tác giả giữ quyền tác giả với các sản phẩm và công nghệ do tác giả, nhóm tác giả sáng tạo ra; được sản xuất thử, hoàn thiện công nghệ, chuyển giao qua các tổ chức ương tạo công nghệ; đổi mới sáng tạo của Học viện; được công bố trên Tạp chí khoa học của Học viện hoặc trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, Scopus và các tạp chí khoa học có uy tín khác.

13. Giám đốc Học viện quyết định giá trị thương hiệu và giá trị các nguồn lực khác (cơ sở vật chất, nhân lực, công nghệ) trên cơ sở tham vấn của các cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức, cá nhân tư vấn có uy tín, khi Học viện tham

gia trong các chương trình, dự án hợp tác và liên kết với các đối tác trong và ngoài nước; Giám đốc Học viện quyết định việc phân chia lợi nhuận của các chương trình, dự án hợp tác, liên doanh liên kết, trên cơ sở không ngừng nâng cao tiềm lực khoa học của Học viện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đối tác, của Học viện và của các nhà khoa học.

Chương VII

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 61. Mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học theo hướng hiện đại, tiệm cận với các nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
2. Tạo điều kiện để Học viện phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
3. Hội nhập ngày càng sâu rộng và toàn diện, tiến tới quốc tế hoá các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, và dịch vụ xã hội của Học viện.

Điều 62. Các hình thức hợp tác quốc tế

1. Liên kết đào tạo.
2. Đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi viên chức và người học.
3. Tạo nguồn học bổng cho viên chức và người học.
4. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
5. Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị.
6. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.
7. Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.
8. Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Học viện và của Học viện tại nước ngoài.
9. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn trong hoạt động hợp tác quốc tế

1. Thực hiện các hình thức hợp tác quốc tế theo quy định của Học viện.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế; được bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt

Nam và điều ước quốc tế Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế được quy định tại Quy chế này và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

4. Thực hiện đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức xây dựng dự án, đàm phán, ký kết và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo quy định. Phê duyệt các chương trình, dự án hợp tác quốc tế có giá trị dưới 01 triệu đô la Mỹ.

6. Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo thẩm quyền. Quản lý các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ODA theo quy định của pháp luật, tạo cơ chế phối hợp đẩy mạnh liên thông, liên kết giữa các đơn vị trực thuộc Học viện với các cá nhân, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

7. Liên kết đào tạo với nước ngoài; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về giáo dục và nghiên cứu khoa học.

8. Trực tiếp làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh cho công chức, viên chức, người lao động, và người học của Học viện và khách nước ngoài do Học viện mời. Mời người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến công tác, làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại Học viện theo quy định của pháp luật và của Học viện.

9. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.

Điều 64. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

1. Tổ chức đơn vị chuyên trách về hợp tác quốc tế của Học viện và ban hành quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.

2. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện.

3. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức liên quan để triển khai hiệu quả và bảo đảm an ninh chính trị nội bộ trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện. Học viện có trách nhiệm quản lý các đoàn vào, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc với Học viện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 65. Nội dung hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng

1. Tổ chức các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong Học viện theo quy định; mời các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ngoài Học viện đến kiểm định chất lượng đào tạo của Học viện.

2. Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định Học viện; xây dựng, thực hiện và công khai kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém về chất lượng đào tạo của Học viện sau khi được kiểm định.

4. Định kỳ tổ chức đánh giá các chương trình đào tạo và các học phần, môn học của Học viện để có những điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành và hội nhập quốc tế. Tham gia đánh giá các chương trình của các cơ sở đào tạo khác theo quy định khi có nhu cầu.

5. Công bố công khai các kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

6. Tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội của người học; đánh giá kết quả giảng dạy của giảng viên.

7. Lựa chọn phương pháp, quy trình và xây dựng hệ thống đánh giá bảo đảm khách quan và chính xác, đảm bảo xác định được mức độ tích lũy kiến thức và kỹ năng của người học, xác định được hiệu quả giảng dạy và mức độ phấn đấu, nâng cao trình độ của giảng viên. Việc đánh giá quá trình và kết quả dạy và học bao gồm đánh giá ngoài và đánh giá trong, được thực hiện theo quy định của Giám đốc Học viện trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

8. Tham gia các hoạt động đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục ở trong và ngoài nước.

Điều 66. Quản lý hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng

1. Thành lập đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định.

2. Ban hành các quy định, quy trình và hướng dẫn sử dụng nội bộ về hoạt động đánh giá, bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với đặc thù và yêu cầu chất lượng cao của Học viện theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

3. Xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo đảm chất lượng bên trong; chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch này trong Học viện.

4. Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Học viện thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến kiểm định chất lượng theo kế hoạch đã ban hành và quy định; hỗ trợ các đơn vị đăng ký đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại với các tổ chức kiểm định chất lượng có uy tín trong và ngoài nước, tiến tới hội nhập quốc tế về hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực về bảo đảm chất lượng và đánh giá trong giáo dục; nghiên cứu và áp dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục, đo lường và đánh giá trong giáo dục của các nước tiên tiến, từ đó nâng cao chất lượng mọi hoạt động trong Học viện.

6. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo và đảm bảo các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra công bố.

7. Định kỳ tổ chức đánh giá các chương trình đào tạo và các học phần, môn học của Học viện để có những điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành và hội nhập quốc tế.

Chương IX

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 67. Tài sản, nguồn tài chính và nội dung chi

1. Tài sản của Học viện gồm tài sản hữu hình, tài sản vô hình; tài sản hữu hình gồm các cơ sở vật chất, đất đai, sách báo, tài liệu giảng dạy, tài liệu khoa học, sản phẩm khoa học, phát minh, sáng chế và các tài sản hữu hình khác do Nhà nước giao hoặc do Học viện tự mua sắm, tự xây dựng bằng các nguồn thu sự nghiệp, hợp tác, liên kết, quà biếu tặng và các nguồn thu hợp pháp khác; uy tín, thương hiệu và vị thế của Học viện là tài sản vô hình hợp pháp của Học viện.

2. Nguồn tài chính của Học viện gồm:

a) Các khoản thu của cơ sở giáo dục đại học bao gồm: Học phí, lệ phí và khoản thu từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động đào tạo; Khoản thu từ nhận đặt hàng đào tạo, nghiên cứu của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước giao; Khoản thu từ đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học; Khoản thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ phục vụ cộng đồng, đầu tư tài chính (nếu có) và nguồn thu hợp pháp khác; Nguồn vốn vay.

b) Các nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho hợp pháp của cựu sinh viên, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

c) Ngân sách nhà nước cấp.

3. Các khoản chi của Học viện bao gồm chi thường xuyên và chi không thường xuyên phục vụ cho hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chi vốn đối ứng thực hiện các dự án trong và ngoài nước; chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ; chi đầu tư phát triển; chi cho các quỹ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Học phí và khoản thu dịch vụ khác

1. Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp cho Học viện để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo.

2. Việc xác định mức thu học phí phải căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo.

3. Mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí hợp lý thực tế và phát sinh.

4. Học viện công bố công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học cùng với thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của Học viện; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu học phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc.

Điều 69. Quản lý tài chính, tài sản

1. Học viện thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật và theo Quy định Quản lý tài chính của Học viện.

2. Học viện là đơn vị dự toán cấp II, nhận dự toán ngân sách hàng năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao và thực hiện quản lý thống nhất việc phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị thuộc Học viện theo quy định hiện hành.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc và trực thuộc để sử dụng nguồn tài chính đúng quy định của pháp luật; chủ động huy động các nguồn tài chính để tăng thêm nguồn thu cho Học viện theo quy định của pháp luật; quản trị cơ sở dữ liệu tài chính thống nhất trong toàn Học viện.

4. Thực hiện công khai tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

5. Quyết toán các chương trình/đề tài khoa học và công nghệ một lần theo hợp đồng, không theo năm tài chính; được áp dụng cơ chế khoán chi theo sản phẩm (số lượng, chất lượng) trung gian và sản phẩm cuối cùng.

6. Là chủ đầu tư hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giao cho Học viện làm chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

7. Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Học viện theo quy định của pháp luật và phân cấp của cấp có thẩm quyền.

8. Học viện được quản lý, sử dụng tài sản theo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công, theo các quyền về quản lý, sử dụng tài sản của các cơ sở giáo dục đại học tự

chủ toàn diện. Học viện được sử dụng tài sản vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển tài sản, phù hợp với môi trường giáo dục.

9. Quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án xây dựng; mua sắm tài sản bằng kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của Học viện.

10. Quyết định việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm tài sản từ nguồn vốn tích lũy hợp pháp của Học viện theo quy định.

11. Xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quản lý và điều phối cơ sở vật chất kỹ thuật trong Học viện theo quy định của pháp luật.

12. Chỉ đạo thống nhất quản lý, phát triển đồng bộ, khai thác dùng chung cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu tích hợp phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và quản lý trong toàn Học viện.

13. Thực hiện xã hội hóa hoạt động xây dựng và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện; chỉ đạo tăng cường hợp tác giữa các đơn vị trong Học viện, bảo đảm nâng cao hiệu quả và công suất sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Chương X

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 70. Chế độ quản lý điều hành

1. Đảng bộ Học viện lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Học viện bằng các nghị quyết của Đảng ủy, theo quy định của Điều lệ đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hội đồng Học viện hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, phù hợp với pháp luật và các quy định hiện hành về tự chủ đại học, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

3. Giám đốc Học viện làm việc theo chế độ thủ trưởng.

4. Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện giúp Giám đốc Học viện tổ chức triển khai các nhiệm vụ của đơn vị theo các nghị quyết của Đảng ủy và của Hội đồng Học viện.

Điều 71. Quy chế làm việc

1. Đảng ủy ban hành quy chế làm việc của Đảng ủy; Hội đồng Học viện ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng; Giám đốc Học viện ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám đốc Học viện trong đó quy định chi tiết nguyên tắc làm

việc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Học viện.

2. Trên cơ sở Quy chế làm việc của Học viện, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện xây dựng nội quy, quy chế làm việc của đơn vị đảm bảo sự vận hành của đơn vị và của Học viện được thông suốt, minh bạch, và hiệu quả, tuân thủ yêu cầu cải cách hành chính, không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Điều 72. Thực hiện dân chủ trong Học viện

1. Mở rộng dân chủ phải đảm bảo có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Học viện và Giám đốc Học viện, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức, các đoàn thể, và từng cá nhân trong xây dựng và phát triển Học viện.

2. Thực hiện dân chủ trong Học viện phù hợp với Hiến pháp và pháp luật; quyền phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; dân chủ phải gắn liền với kỷ luật và kỷ cương; thưởng, phạt nghiêm minh, đúng pháp luật và phù hợp với Quy chế này.

3. Xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ, xâm phạm quyền tự do dân chủ, các quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị và cá nhân khác, làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hoạt động của Học viện.

4. Kiên quyết lên án và xử lý nghiêm các hành vi gây bè phái, lợi ích nhóm, nhân danh tập thể để trục lợi cá nhân, mất đoàn kết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi làm việc, các hành vi tố cáo nặc danh, mạo danh và không đúng sự thật;

5. Thực hiện dân chủ trong Học viện thông qua việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc hệ thống văn bản quy định nội bộ của Học viện.

6. Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện:

a) Hội đồng Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện.

b) Các đơn vị, viên chức và người học trong Học viện, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện.

Điều 73. Mối quan hệ giữa Học viện với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Học viện và các đơn vị thuộc, trực thuộc phối hợp, hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức sự nghiệp khác trong và ngoài nước để xác định nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký kết các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; tư vấn cho các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội phù hợp với năng lực và các nguồn lực của Học viện.

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc chủ động giải quyết các vấn đề của đơn vị đã được giao/phân cấp; báo cáo kịp thời với Học viện về những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 74. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Học viện thực hiện công khai chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động và các văn bản pháp quy nội bộ của Học viện cũng như các văn bản pháp quy có liên quan của các tổ chức đảng, các cơ quan quản lý nhà nước; hướng dẫn đơn vị thống nhất thực hiện nội dung công khai theo quy định của pháp luật.

2. Học viện và các đơn vị thuộc và trực thuộc có trang thông tin điện tử công khai các thông tin về tổ chức, hoạt động và chịu trách nhiệm về các thông tin đã đăng tải.

3. Học viện thực hiện công tác thống kê, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và địa phương nơi Học viện đặt Phân hiệu, Văn phòng đại diện theo quy định.

4. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện có trách nhiệm xây dựng, quản lý và sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu tích hợp về tổ chức, nhân sự, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, tài chính, cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Học viện.

5. Viên chức của Học viện không được nhân danh Học viện để phát ngôn với các tổ chức, cá nhân ngoài Học viện. Giám đốc có thể cử một Phó Giám đốc Học viện hoặc ủy quyền cho trưởng, phó khoa/ban chức năng làm Người phát ngôn của Học viện.

Chương XI

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 75. Thanh tra, kiểm tra

Học viện tổ chức các bộ phận chuyên trách, đồng thời thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí theo qui định của pháp luật và của Học viện; có trách nhiệm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo qui định. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện tự tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và của Học viện.

Điều 76. Khen thưởng

Tập thể, viên chức và người học của Học viện có thành tích xuất sắc trong công tác và học tập được khen thưởng theo quy định.

Khen thưởng được xét duyệt từ đơn vị và thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng; các đơn vị và cá nhân được khen thưởng phải có các kết quả cụ thể, định lượng được như số đề tài đầu thầu thành công, số kinh phí thu được, số công trình công bố, số giải pháp kỹ thuật được công nhận,...

Giám đốc quyết định các trường hợp khen thưởng đột xuất khác, phù hợp với quy định của pháp luật và của Học viện.

Điều 77. Xử lý vi phạm

Tập thể, viên chức và người học của Học viện vi phạm các quy định của pháp luật và Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Học viện; chịu trách nhiệm đền bù các thiệt hại đã gây ra cho Học viện.

Chương XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 78. Trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy chế, quy định và các văn bản khác do Giám đốc Học viện ban hành phải phù hợp với các quy định của pháp luật và của Quy chế này.

2. Giám đốc Học viện, trưởng các đơn vị, viên chức và người học trong Học viện và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. Những nội dung khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Học viện không được nêu tại Quy chế này thì áp dụng theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới ban hành.

4. Trong quá trình thực hiện khi Nhà nước thay đổi quy định tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập mà Quy chế này chưa kịp sửa đổi thì áp dụng theo quy định mới của Nhà nước; hoặc nếu có điểm nào chưa phù hợp với thực tiễn, cần phải sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Ban Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện, Hội đồng Học viện xem xét, quyết định./.



Trần Đức Viên